ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Ctrl+F để tìm: chúc các bạn may mắn☺

Học phần 2 gồm  
1.Chiến lược diễn biến hòa bình  
2.Dân tộc và tôn giáo  
3.Bảo vệ môi trường  
4.Bảo vệ trật tự an toàn giao thông  
5.Tội phạm xâm hại đến danh dự, nhân phẩm  
6.Không gian mạng,   
7.An ninh phi truyền thống

**Câu 1: Các yếu tố nào cấu thành nên Quốc gia?**

Lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng

**Câu 2: Lãnh thổ quốc gia là phạm vi không gian được giới hạn ở đâu?**

Biên giới quốc gia.

**Câu 3: Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm:**

Vùng đất, vùng biển, vùng trời ngoài ra còn có lãnh thổ quốc ra đặc biệt.

**Câu 4: Biển Việt Nam có mấy vùng*?***

Có 5 vùng.

**Câu 5: Nội thủy là gì*?***

Vùng biển nằm ở phía trong đường cơ sở.

**Câu 6: Tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia, được xác định là: .**

Nguyên tắc cơ bản trong quan hệ và luật pháp quốc tế.

**Câu 7: Biên giới quốc gia Việt Nam gồm:**

Biên giới trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất

**Câu 8: Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng bao nhiêu hải lí?**

12 hải lý.

**Câu 9: Biên giới quốc gia trên biển cách đường cơ sở bao nhiêu hải lí?**

12 hải lý.

**Câu 10: Vùng tiếp giáp lãnh hải rộng bao nhiêu hải lý ?**

24 hải lý.

**Câu 11: Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng:**

Tọa độ trên hải đồ.

**Câu 12: Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu bằng:**

Hệ thống mốc quốc giới.

**Câu 13: Biên giới Việt Nam - Trung quốc trên đất liền bao nhiêu kilômét?**

Dài 1.346 km.

**Câu 14: Biên giới Việt Nam - Lào trên đất liền bao nhiêu kilômét?**

Dài 2.06*7* km,

**Câu 15: Biên giới Việt Nam - Campuchia trên đất liền bao nhiêu kilômét*?***

Dài 1.137 km.

**Câu 16: Huyện đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc tỉnh, thành phố nào của Việt Nam?**

Đà Nẵng, Khánh Hòa

**Câu 17: Lực lượng nào làm nòng cốt, chuyên trách trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên đất liền?**

Bộ đội Biên phòng.

**Câu 18: Lực lượng nào làm nòng cốt, chuyên trách trong quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia?**

Bộ đội Biên phòng.

**Câu 19: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của:**

Toàn dân.

**Câu 20: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới gia là:**

a. Xây dựng biên giới hòa bình.

b.Hữu nghị.

c.Ổn định.

d.Tất cả phương án trên đúng.

**Câu 21: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong giải quyết các vấn đề tranh chấp về lãnh thổ biên giới bằng giải pháp nào?**

Thương lượng hòa bình.

**Câu 22: Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) có hiệu lực năm nào?**

Năm 1994

**Câu 23: Điền vào chỗ trống câu nói của Chủ Tịch Hồ Chí Minh: “Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng, ngày nay ta có ngày...(1);...(*2*)...Bờ biển nước ta dài tươi đẹp, ta phải biết giữ lấy nó”.**

Có trời (1), có biển (2)

**Câu 24: Huyện đảo Trường Sa có các đơn vị hành chính nào?**

Thị trấn Trường Sa; Xã Song Tử Tây, Xã Sinh Tồn.

**Câu 25: Khu vực biên giới quốc gia trên không có chiều rộng là bao nhiêu kilômét*?***

10 km tính từ biên giới Việt Nam trở vào.

**Câu 26: Điền vào chỗ trống về nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia: “Xây dựng, phát triển...(1)...kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại và...(2)... của đất nước”.**

Mọi mặt chính trị(1); quốc phòng an ninh(2).

**Câu 2*7*: Lãnh thổ Việt Nam có mấy hướng trông ra biển***?*

3 hướng: Đông, Nam và Tây Nam.

**Câu 28: Hiện nay ở nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố có biển?**

28 tỉnh, thành phố.

**AN TOÀN THÔNG TIN,**

**KHÔNG GIAN MẠNG**

**Câu 1: An ninh mạng là:**

A. Sự bảo đảm hoạt động trên không gián mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức , cá nhân

B. Sự bảo đảm hoạt động trên không gián mạng gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức , cá nhân

C. Sự bảo đảm hoạt động trên không gián mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, an toàn xã hội và cơ quan, tổ chức, cá nhân

D. Sự bảo đảm hoạt động một cách liên tục, thông suốt trên không gian mạng gây phương hại đến an ninh quốc gia, trận tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**Câu 2: Không gian mạng là:**

1. Mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính, hệt hống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã họi không bị giới hạn bới không gian và thời gian.
2. Bao gồm mạng viễn thông, mạng internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin.
3. Là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội bị giới hạn bởi không gian và thời gian.
4. Mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tần công nghệ thông tin, là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội bị giới hạn bởi không gian và thời gian

**Câu 3: Tội phạm mạng là:**

1. Hành vi sử dung không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm.
2. Hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm được quy định tại Bộ luật hình sự.
3. Hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm để trục lợi
4. Hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội pham được quy định tại Bộ luật dân sự

**Câu 4: Tấn công mạng là:**

1. Hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để phá hoại gây gián đoạn hoạt động của mạng viễn thông, internet, máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điểu khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.
2. Hành vi sử dụng công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để phá hoại gây gián đoạn hoạt động của mạng viễn thông, internet, máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điểu khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.
3. Hành vi phá hoại gây gián đoạn hoạt động của mạng viễn thông, internet, máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điểu khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.
4. Hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin để khai thác hoặc phá hoại gây gián đoạn hoạt động của mạng viễn thông, internet, máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điểu khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

**Câu 5: Hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng:**

1. Tổ chức hoạt động cấu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống nhà nước CHXHCN Việt Nam
2. Thực hiện chương trình, dự án hợp tác quốc tế về an ninh mạng
3. Ký và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về an ninh mạng
4. Tổ chức đào tạo, phát triển và sử dụng nhân lực an ninh mạng

**Câu 6: Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan Nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan tổ chức, cá nhân khác. Là:**

1. Hành vi bị nghiêm cấm vi pham pháp luật trên không gian mạng.
2. Hành vi không bị nghiêm cấm vi phạm pháp luật trên không gian mạng
3. Được khuyến khích về sử sụng không gian mạng.
4. Bị hạn chế một phần về sử dụng không gian mạng.

**Câu 7: Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi nào sau đây bị pháp luật nghiêm cấm về an ninh mạng:f**

1. Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc.
2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý không gian mạng.
3. Nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ và sử dụng biện pháp kỹ thuật để khắc phục hậu quả trong trường hợp bị tấn công trên không gian mạng
4. Bồi dưỡng kỹ năng nhận diện các âm mưu, thủ đoạn tấn công mạng và các hình thái phát sinh trên không gian mạng

**Câu 8: Đặc điểm của an toàn thông tin:**

1. Tính bí mật, tính toàn vẹn.
2. Tính toàn vẹn, tính sẵn sàng, tính khả dụng của thông tin.
3. Tính sẵn sàng, tính toàn vẹn, tính tiện ích.
4. Tính bí mật, tính toàn vẹn, tính sẵn sàng.

**Câu 9: Sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng, tránh bị truy nhập, sử dụng tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin. Được xác định là:**

1. Khái niệm an toàn thông tin mạng
2. Khái niệm an ninh mạng
3. Khái niệm không gian mạng
4. Khái niệm không gian mạng quốc gia

**Câu 10: Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền quốc gia, các lợi ích và sự nguy hại đến từ không gian mạng. Được xác định là:**

1. Một trong những nội dung phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng.
2. Môt trong những giải pháp phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng.
3. Một trong những đặc điểm phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng.
4. Một trong những hành vi bị nghiêm cấm vi phạm pháp luật trên không gian mạng

**Câu 11: Các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng, dược qui định tại:**

1. Điều 7, Luật An ninh mạng
2. Điều 8, Luật An ninh mạng
3. Điều 9, Luật An ninh mạng
4. Điều 10, Luật An ninh mạng

**Câu 12: Chọn đáp án đúng nhất: Bảo vệ an ninh mạng là:**

1. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng
2. Phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng
3. Dò tìm, cảnh báo, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, hành vi xâm phạm an ninh mạng.
4. Sử dụng biện pháp nghiệp vụ để phát hiện, ngăn chạn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.

**Câu 13: Tuyên truyền, phổ biến giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý không gian mạng. Được hiểu là một trong những:**

1. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng.
2. Hành vi bi nghiêm cấm vi phạm pháp luật trên không gian mạng
3. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng
4. Đặc điểm của an toàn thông tin mạng.

**Câu 14: Nội dung nào dưới đây là khái niệm của khủng bố mạng?**

1. Là việc sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để xuyên tạc lịch sử.
2. Là việc sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện hành vi khủng bố, tài trợ khủng bố.
3. Là việc sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để chống phá đảng và nhà nước.
4. Là việc sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác.

**Câu 15: Đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được qui định tại:**

1. Khoản 1, điều 16 Luật An ninh mạng
2. Khoản 1, điều 17 Luật An ninh mạng
3. Khoản 1, điều 18 Luật An ninh mạng
4. Khoản 1, điều 19 Luật An ninh mạng

**Câu 16: Khoản 1 điều 16, Luật An ninh mạng quy định hành vi nào bị cấm dưới đây có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?**

1. Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước
2. Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân
3. Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối
4. Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, gây mất ổn định về an ninh, trật tự.

**Câu 17: Hành vi nào bị cấm dưới đây có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng?**

1. Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân
2. Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước.
3. Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc
4. Kêu gọi, vận động, xúi giục, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân.

**Câu 18: Điều 101 Nghị định 15/2020/NĐ-CP vi phạm các quy tắc về trách nhiệm sử dụng mạng xã hội cung cấp, chia sẽ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, giả mạo vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của các nhân … sẽ bị phạt:**

1. Từ 7 triệu đồng đến 10 triệu đồng
2. Từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng
3. Từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng
4. Từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng

## **DIỄN BIẾN HÒA BÌNH**

**Câu 1: Chiến lược diễn biến hòa bình được tiến hành bằng:**

**a.** Biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.

b. Biện pháp quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.

c. Biện pháp kinh tế do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.

d. Biện pháp vũ trang do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.

**Câu 2: Là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong bảng biện pháp phi quân sự. Được hiểu là:**

**a.** Khái niệm của chiến lược diễn biến hòa bình.

b. Thủ đoạn của chiến lược diễn biến hòa bình.

c. Mục đích của chiến lược diễn biến hòa bình.

d. Âm mưu của chiến lược diễn biến hòa bình.

**Câu 3: Ngày 11 tháng 7 năm 1995, Mỹ tuyên bố nội dung gì với Việt Nam?**

a. Xóa bỏ cấm vận kinh tế với Việt Nam.

b. Xóa bỏ cấm vận quân sự với Việt Nam.

**c.** Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

d. Xóa bỏ cấm vận vũ khí sát thương với Việt Nam.

**Câu 4: Tháng 12/1957, Tổng thống Aixenhao đã tuyên bố nội dung gì trong chiến lược diễn biến hòa bình?**

**a.** Mỹ sẽ giành thắng lợi bằng hòa bình.

b. Mỹ phát triển mạnh về khoa học kỹ thuật.

c. Mỹ làm bá chủ thế giới.

d. Mỹ cho người lên sống mặt trăng.

**Câu 5: Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam được Mỹ tuyên bố vào ngày:**

**a.** 11/7/1995**.** b. 7/11/1995. c. 25/8/1995. d. 11/7/1985.

**Câu 6: “Xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, lái nước ta đi theo con đường tư bản và lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc”. Được xác định là:**

**a.** Mục tiêu nhất quán chiến lược diễn biến hòa bình đối với Việt Nam.

b. Biện pháp nhất quán chiến lược diễn biến hòa bình đối với Việt Nam.

c. Thủ đoạn nhất quán chiến lược diễn biến hòa bình đối với Việt Nam.

d. Nhiệm vụ nhất quán chiến lược diễn biến hòa bình đối với Việt Nam.

**Câu 7: Khích lệ thành phần kinh tế tư nhân phát triển, từng bước làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước, là một trong những nội dung âm mưu thủ đoạn chống phá của chiến lược diễn biến hòa bình về:**

**a.** Kinh tế**.** b. Chính trị. c. Dân tộc. d. Tôn giáo.

**Câu 8: Xóa bỏ chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Là một trong những thủ đoạn chống phá của chiến lược diễn biến hòa bình về:**

a. Chính trị - kinh tế. b. Tư tưởng - văn hóa. c. Dân tộc - tôn giáo. d. Quốc phòng - an ninh.

**Câu 9: Hạn chế sự mở rộng quan hệ hợp tác của Việt Nam đối với các nước lớn trên thế giới, tìm cách ngăn cản những dự án đầu tư quốc tế vào Việt Nam là một trong những thủ đoạn chống phá của chiến lược diễn biến hòa bình về lĩnh vực:**

**a**. Đối ngoại. b. Dân tộc. c. Quân sự. d. Chính trị.

**Câu 10: Lợi dụng những khó khăn ở vùng đồng bào dân tộc ít người, những tồn tại do lịch sử để lại, trình độ dân trí của một bộ phận đồng bào còn thấp và những khuyết điểm trong thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo của một bộ phận cán bộ để kích động tư tưởng đòi ly khai, tự quyết dân tộc. Là thủ đoạn chống phá của chiến lược diễn biến hòa bình về lĩnh vực:**

1. Chính trị - kinh tế. b. Tư tưởng - văn hóa.

c. Quốc phòng - an ninh. d. Dân tộc - tôn giáo.

**Câu 11: Một trong những giải pháp phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” là:**

**a.** Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt.

b. Bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia dân tộc

c. Chủ động khôn khéo xử lý tình huống khi bạo loạn xảy ra.

d. Tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước và quốc tế.

**Câu 12: Chọn câu sai: “Diễn biến hòa bình” là chiến lược cơ bản nhằm:**

a. Lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ.

b. Xóa bỏ các nước chủ nghĩa xã hội từ bên trong.

c. Lật đổ chế độ chính trị của các nước tư bản từ bên trong.

d. Lật đổ chế độ chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong.

**Câu 13: “Việc bình thường hóa quan hệ của chúng ta với Việt Nam không phải là kết thúc nỗ lực của chúng ta. Chúng ta tiếp tục phấn đấu cho đến khi chúng ta có được những câu trả lời mà chúng ta có thể có ...”. Là phát biểu của Tổng thống Mỹ nào?**

a. Bill Clinton. b. G. Bush. c. Nichxon. d. Giôn Xơn.

Câu 14: Ai là người khởi xướng chiến lược diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc?

a. Kennan. b. Mác San c. Truman d. Aixenhao.

**Câu 15: Lợi dụng xu thế hợp tác để du nhập những sản phẩm văn hóa đồi trụy, lối sống phương tây. Được xác định là thủ đoạn chống phá trên lĩnh vực nào của chủ nghĩa đế quốc?**

a. Chống phá chính trị trong chiến lược diễn biến hòa bình.

b. Chống phá tư tưởng văn hóa trong chiến lược diễn biến hòa bình.

c. Chống phá tôn giáo dân tộc trong chiến lược diễn biến hòa bình.

d. Chống phá quốc phòng an ninh trong chiến lược diễn biến hòa bình.

**Câu 16: Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh nội dung: Chiến lược …với nhiều đòn tấn công... trên tất cả các lĩnh vực để chống phá cách mạng nước ta.**

a. Diễn biến hòa bình/mềm. b. Bạo loạn lật đổ/cứng.

c. Diễn biến hoà bình/ sâu. d. Diễn biến hòa bình cứng.

**Câu 17: Xây dựng tiềm lực vững mạnh của đất nước, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước và quốc tế, kịp thời làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù đối với Việt Nam. Được xác định là:**

a. Quan điểm chỉ đạo phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình.

b. Nhiệm vụ phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình.

c. Phương châm tiến hành phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình.

d. Mục tiêu phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình.

**Câu 18: Chủ động, kiên quyết khôn khéo xử trí linh hoạt các tình huống và giải quyết hậu quả kịp thời khi có bạo loạn xảy ra, giải quyết các vụ gây rối, không để phát triển thành bạo loạn. Được xác định là:**

a. Quan điểm chỉ đạo phòng phòng chống bạo loạn lật đổ.

b. Nhiệm vụ phòng chống phòng chống bạo loạn lật đổ.

c. Phương châm tiến hành phòng chống bạo loạn lật đổ.

d. Mục tiêu phòng chống phòng chống bạo loạn lật đổ.

**Câu 19: Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh nội dung sau: Chống phá Việt Nam, các thế lực thù địch còn nhằm làm sụp đổ biểu tượng chiến thắng, khôi phục lại ... của các nước đế quốc.**

a. Tinh thần. b. Danh dự. c. Uy tín. d. Sức mạnh.

**Câu 20: *“Chống phá chính trị làm hàng đầu, kinh tế là mũi nhọn, ngoại giao làm hậu thuẫn, dân tộc, tôn giáo làm ngòi nổ”.* Được xác định là:**

a. Thủ đoạn chống phá của chiến lược diễn biến hòa bình.

b. Quan điểm chống phá của chiến lược diễn biến hòa bình.

c. Nội dung chống phá của chiến lược diễn biến hòa bình.

d. Đặc điểm chống phá của chiến lược diễn biến hòa bình.

**Câu 21: Điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu: Khi tiến hành ... các thế lực thù địch thường kích động các phần tử quá khích, làm mất ổn định ... ở một khu vực hẹp trong một thời gian ngắn.**

a. Diễn biến hòa bình/chính trị, xã hội.

b. Diễn biến hòa bình/kinh tế, xã hội.

c. Bạo loạn lật đổ/trật tự, an toàn xã hội.

d. Diễn biến hòa bình/văn hóa, xã hội.

**Câu 22: Là hành động chống phá băng bạo lực có tổ chức do lực lượng phản động hay lực lượng ly khai, đối lập trong nước hoặc cấu kết với nước ngoài tiến hành nhằm gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội hoặc lật đổ chính quyền ở địa phương hay Trung ương. Được xác định là:**

a. Khái niệm bạo loạn lật đổ.

b. Khái niệm diễn biến hòa bình.

c. Khái niệm gây rối.

d Khái niệm an ninh quốc gia.

**Câu 23: Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế. Được xác định là một trong những**

a. Giải pháp phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

b. Nhiệm vụ phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

c. Phương châm phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

d. Quan điểm phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

**Câu 24: Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân. Được xác định là một trong những:**

a. Giải pháp phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

b. Nhiệm vụ phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

c. Phương châm phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

d. Quan điểm phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

**Câu 25: Xây dựng cơ sở chính trị xã hội vững mạnh về mọi mặt. Được xác định là một trong những:**

a. Giải pháp phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

b. Nhiệm vụ phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

c. Phương châm phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

d. Quan điểm phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

**PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA CON NGƯỜI**

**Câu 1: Danh dự nhân phẩm của con người là những yếu tố về tinh thần, bao gồm phẩm giá, giá trị, sự tôn trọng, tình cảm yêu mến của những người xung quanh…**

1. Của gia đình đối với ngườ đó
2. Của anh em đối với người đó
3. Của bạn bè, đồng nghiệp đối với người đó.
4. Của xã hội đối với người đó.

**Câu 2: Những yếu tố về tinh thần, bao gồm phẩm giá, giá trị, sự tôn trọng, tình cảm yêu mến của những người xung quanh, của xã hội đối với người đó, được hiểu là:**

1. Danh dự của con người
2. Nhân phẩm của con người
3. Danh dự, nhân phẩm của con người.
4. Yếu tố tâm lý

**Câu 3: Sự coi trọng của dư luật xã hội, dựa trên giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp và tỏ rõ sự kính trọng của xã hội, của tập thể đối với con người, được hiểu là:**

1. Danh dự của con người
2. Nhân phẩm của con người
3. Danh dự, nhân phẩm của con người
4. Giá trị của một con người cụ thể.

**Câu 4: Tổng hợp những phẩm chất mang tính đặc trưng của mỗi cá nhân, những yếu tố đặc trưng này tạo nên giá trị của một con người, được hiểu là:**

1. Danh dự của con người
2. Nhân phẩm của con người
3. Danh dự, nhân phẩm của con người
4. Giá trị của một con người cụ thể

**Câu 5: Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm: không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Được quy định tại?**

1. Khoản 1, Điều 21, Hiến pháp năm 2013.
2. Khoản 3, Điều 20, Hiến pháp năm 2013
3. Khoản 2, Điều 20, Hiến pháp năm 2013
4. Khoản 1, Điều 20, Hiến pháp năm 2013

**Câu 6: Tội hiếp dâm; Tội cưỡng dâm; Tội dâm ô với người dưới 16 tuổi; Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm, được hiểu là:**

1. Tội xâm phạm tình dục
2. Tội mua bán người
3. Tôi làm nhục người khác
4. Nhóm tội khác

**Câu 7: Chửi thề, nói xấu, chia rẽ bè phái, miệt thị, dùng vũ lực như tát đá đấm, đánh giật tóc, lột quần áo … quay video clip, các hành vi bạo lực và đưa lên mạng Internet được hiểu là:**

1. Hình thức bạo loạn lật đổ
2. Hình thức gây rối trật tự an toàn xã hội
3. Hình thức khủng bố
4. Hinh thức xâm hại danh dự, nhân phẩm.

**Câu 8: Làm ảnh hưởng tới truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta (tình thầy trò, tình bạn bè,…) làm ảnh hưởng tới tình hình trật tự được xác định là:**

1. Đặc điểm của tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người đối với cơ quan.
2. Đặc điểm của tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người đối với gia đình
3. Đặc điểm của tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người đối với nhà trường
4. Đặc điểm của tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người đối với xã hội

**Câu 9: Làm nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn với nhau chỉ vì con cái, được xác định là:**

1. Đặc điểm của tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người đối với cơ quan.
2. Đặc điểm của tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người đối với gia đình
3. Đặc điểm của tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người đối với nhà trường.
4. Đặc điểm của tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người đối với xã hội

**Câu 10: Đẩy mạnh xây dựng, triển khai, áp dụng biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm, của con người ở các địa phương được xác định là một trong những:**

1. Đặc điểm các tội xâm phạm, danh dự, nhân phẩm.
2. Nhiệm vụ phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm.
3. Biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm.
4. Khái niệm các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm.

**Câu 11: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự xã hội ở các địa phương đối với tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm, được xác định là một trong những:**

1. Đặc điểm các tội xâm phạm, danh dự, nhân phẩm.
2. Nhiệm vụ phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm.
3. Biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm.
4. Khái niệm các tội xâm phạm, danh dự, nhân phẩm

**Câu 12: Nâng cao năng lực chủ thể phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người ở các địa phương được xác định là một trong những:**

1. Đặc điểm các tội xâm phạm, danh dự, nhân phẩm.
2. Nhiệm vụ phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm.
3. Biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm.
4. Khái niệm các tội xâm phạm, danh dự, nhân phẩm

**Câu 13: Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các chủ thể phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở các địa phương được xác định là một trong những:**

1. Đặc điểm các tội xâm phạm, danh dự, nhân phẩm.
2. Nhiệm vụ phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm.
3. Biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm.
4. Khái niệm các tội xâm phạm, danh dự, nhân phẩm

**Câu 14: Làm cho người khác bị xúc phạm, tổn thương về tinh thần và xấu hổ đối với những người xung quanh, người trong gia đình, tập thể, trong nhân dân, trong xã hội. Được xác định là:**

1. Hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người.
2. Phạm tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người.
3. Tội cố ý làm nhục người khác.
4. Tội hành hung, làm nhục người khác.

**Câu 15: Điểm a, Khoản 1, Điều 142, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “*Người nào thực hiện hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ*” thì bị phạt tù:**

1. Từ 5 năm đến 10 năm
2. Từ 7 năm đến 15 năm
3. Từ 10 năm đến 15 năm
4. Từ 15 năm đến 20 năm

**Câu 16: Điểm b, Khoản 1, Điều 142, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “*Người nào thực hiện hành vi giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi*” thì bị phạt tù:**

1. Từ 5 năm đến 10 năm
2. Từ 7 năm đến 15 năm
3. Từ 10 năm đến 15 năm
4. Từ 15 năm đến 20 năm

**Câu 17: Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “*Người nào thực hiện hành vi dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ*”. Được qui định tại:**

1. Điểm a, Khoản 2, Điều 141
2. Điểm a, Khoản 1, Điều 142
3. Điểm a, Khoản 3, Điều 143
4. Điểm b, Khoản 2, Điều 144

**Câu 18: Tại Khoản 1, Điều 144 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “*Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quẫn bách phải miễn cướng giao cấu hoặc miễn cường thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác*”, thì bị phạt tù:**

1. Từ 5 năm đến 10 năm
2. Từ 7 năm đến 15 năm
3. Từ 10 năm đến 15 năm
4. Từ 15 năm đến 20 năm

**Câu 19: Khi có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm xảy ra trong khu vực trường, lớp. Sinh viên cần làm gì?**

1. Gọi người thân, gia đình, bạn bè đến hành hung.
2. Xử lý nội bộ và không cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng.
3. Đăng tải chia sẻ thông tin trên mạng xã hội.
4. Kịp thời cung cấp cho cơ quan chức năng những thông tin có liên quan đến vụ việc phạm tội người phạm tội.

**Câu 20: Trực tiếp tham gia các hoạt động phòng ngừa tội phạm, tham gia vào các tổ chức thanh niên xung kích tiến hành tuần tra, kiểm soát bảo vệ an ninh, trật tự trong khu vực trường, lớp là trách nhiệm của ai?**

1. Ban giám hiệu.
2. Phòng đào tạo.
3. Ban công đoàn.
4. Sinh viên.

**Câu 21: Khi phát hiện các hiện tượng tiêu cực có thể nảy sinh trong trường, lớp như: quan hệ nam nữ không lành mạnh, hành vi nghi vấn nghiện ma túy, cờ bạc, chơi lô đề, các cược bóng đá, … Sinh viên cần phải làm gì?**

1. Báo cáo cơ quan chức năng và cán bộ các cấp.
2. Không quan tâm bao che bên bạn.
3. Quay clip đưa lên mạng.
4. Không cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng.

**Câu 22: Điểm a, khoản 1, điều 142 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: người nào thực hiện hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lợi dụng tình trạng không thể tự vệ của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu thực hiện hành vi quan hệ tình dục với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ:**

1. Từ 7-15 năm
2. Từ 5-10 năm
3. Từ 10-15 năm
4. Từ 15-20 năm

**AN TOÀN GIAO THÔNG**

**Câu 1: “Một bộ phận của hệ thống pháp luật hành chính Nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện các hoạt động chấp hành và điều hành các cơ quan xử lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trở trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông” là khái niệm:**

1. **Pháp luật bảo đảm về trật tự an toàn giao thông.**
2. Vi phạm pháp luật, bảo đảm an toàn giao thông.
3. Phòng ngừa vi phạm pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông.
4. Phòng chống vi phạm pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

**Câu 2: “Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều hình thức, biện pháp hướng đến việc triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông nhằm ngăn chặn, hạn chế làm giảm và từng bước loại trừ vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông ra khỏi đời sống xã hội” là khái niệm:**

1. Pháp luật bảo đảm về trật tự an toàn giao thông.
2. Vi phạm pháp luật, bảo đảm an toàn giao thông.
3. Phòng ngừa vi phạm pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông.
4. Phòng chống vi phạm pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

**Câu 3: “Hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật, tiến hành tổng hợp các biện pháp theo quy định để chủ động nắm tình hình, phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông do cá nhân, tổ chức thực hiện, từ đó áp dụng các biện pháp xử lý tương ứng với mức độ của các hành vi vi phạm đó, góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông” là cái niệm:**

A.Pháp luật bảo đảm về trật tự an toàn giao thông.

B.Vi phạm pháp luật, bảo đảm an toàn giao thông.

C.Phòng ngừa vi phạm pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

D.Đấu tranh chống vi pham pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

**Câu 4: Ý chí của Nhà nước để chỉ đạo và tổ chức thực hiện về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. *Được xác định là một trong những:***

1. Khái niệm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.
2. Nội dung pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông,
3. Vai trò pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông,
4. Đặc điểm của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

**Câu 5: Cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông được xác định là một trong những:**

A. Khái niệm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

B. Nội dung pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông,

**C.** Vai trò pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông,

D. Đặc điểm của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

**Câu 6: Các loại văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông do cơ quan nào ban hành? Chọn phương án đúng nhất?**

1. Do quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan hành chính từ Trung ương đến địa phương ban hành có liên quan đến bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
2. Do Chính phủ, các Bộ, cơ quan hành chính từ Trung ương đến địa phương ban hành có liên quan đến bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
3. Do các Bộ, cơ quan hành chính từ Trung ương đến địa phương ban hành có liên quan đến bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
4. Do cơ quan hành chính từ Trung ương đến địa phương ban hành có liên quan đến bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

**Câu 7: Lực bảo đảm trật tự an toàn giao thông do cơ quan, tổ chức nào ban hành?**

1. Chính phủ
2. Quốc hội
3. Bộ giao thông vận tải
4. Bộ công an

**Câu 8: Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông mà không phải là tội phạm. Được xác định là:**

1. Vi phạm hình sự
2. Vi phạm hành chính
3. Nguyên nhân vi phạm
4. Dấu hiệu của vi phạm

**Câu 9: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn về pháp luật phòng chống vi phạm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Được xác định là**:

1. Trách nhiệm của nhà trường trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.
2. Trách nhiệm của thầy cô, sinh viên trong phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.
3. Biện pháp phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông,
4. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

**Câu 10: Người điều khiển người ngồi trên xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm cài quai đúng quy định được quy định tại:**

1. Khoản 2, Điều 31, Luật giao thông đường bộ 2008
2. Khoản 3, Điều 31, Luật giao thông đường bộ 2008
3. Khoản 4, Điều 31, Luật giao thông đường bộ 2008
4. Khoản 5, Điều 31, Luật giao thông đường bộ 2008

**Câu 11: Trong đô thị, trường hợp nào dưới đây sẽ không được dùng còi (trừ các xe ưu tiên theo Luật định)?**

1. Khi qua nơi đông người tụ hợp đi lại trên đường.
2. Khi qua, nơi có trường học trẻ em đi lại trên đường.
3. Từ 22h đến 5h sáng hôm sau.
4. Khi qua ngã ba, ngã tư, trong thành phố, thị xã, thị trấn đông người.

**Câu 12: Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy lưu thông trên đường sử dụng điện thoại di động thì bị phạt như thế nào theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP?**

1. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng
2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng
3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng
4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng

**Câu 13: Điểm b, Khoản 1, Điều 6, Nghị định 100/2019/NĐ-CP xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:**

1. Chở theo từ 3 người trở lên trên xe.
2. Không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt.
3. Dừng xe đỗ trên cầu.
4. Vượt bên phải trong trường hợp không được phép.

**Câu 14: Điểm c, Khoản 2, Điều 6, Nghị định 100/2019/NĐ-CP xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:**

A. Chở theo từ 3 người trở lên trên xe.

B. Không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt.

**C.** Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đế dưới 10km/h.

D. Vượt bên phải trong trường hợp không được phép.

**Câu 15: Điểm b, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 100/2019/NĐ-CP xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:**

**A.** Chở theo từ 3 người trở lên trên xe.

B. Không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt.

C. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đế dưới 10km/h.

D. Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên.

**Câu 16:** **Điểm a, Khoản 4, Điều 6, Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, phạt tiền từ 6000.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:**

1. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đế dưới 10km/h
2. Chở theo từ 3 người trở lên trên xe
3. Bấm còi rú ga (nẹt pô) liên tục trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định.
4. Ngồi phía sau vòng tay qua người ngồi trước để điều khiển xe, trừ trường hợp chở trẻ em ngồi phía trước.

**Câu 17: Điểm a, Khoản 6, Điều 6, Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:**

1. Sử dụng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy
2. Chở theo từ 03 người trở lên trên xe.
3. Bấm còi rú ga (nẹt pô) liên tục trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định
4. Ngồi phía sau vòng tay qua người ngồi trước để điều khiển xe, trừ trường hợp chở trẻ em ngồi phía trước.

**Câu 18: Điểm e, khoản 8, Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của chính phủ xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc GTĐB từ 6.000.000 đến 8.000.000 đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:**

1. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hay hơi thở có nồng độ cồn quá 80mlg/100ml máu hoặc vượt quá 0,4 mlg/1 lít khí thở.
2. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hay hơi thở có nồng độ cồn quá 50mlg/100ml máu hoặc vượt quá 0,4 mlg/1 lít khí thở.

**Câu 19: Điểm d, khoản 8, Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của chính phủ xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc GTĐB từ 6.000.000 đến 8.000.000 đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm sau đây:**

1. Điều khiển xe thành nhóm từ 2 xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.
2. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hay hơi thở có nồng độ cồn quá 80mlg/100ml máu hoặc vượt quá 0,4 mlg/1 lít khí thở.

**Câu 20: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông cho người dân. Được xác định là một trong những nội dung:**

1. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về đảm bảo TTATGT
2. Đặc điểm phòng, chống vi phạm pháp luật về đảm bảo TTATGT
3. Phòng, chống vi phạm pháp luật về đảm bảo TTATGT
4. Khái niệm phòng, chống vi phạm pháp luật về đảm bảo TTATGT

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Câu 1: “Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mất thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên”. Được xác dịnh là**

1. Khái niệm luật bảo vệ môi trường năm 2014
2. Khái niệm luật bảo vệ môi trường năm 2018
3. Khái niệm luật bảo vệ môi trường năm 2020
4. Khái niệm luật bảo vệ môi trường năm 2022

**Câu 2: Tại Điều 43, Hiến pháp năm 2013 quy định:**

1. Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.
2. Mọi người có quyền được sống trong môi trường ổn định và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường
3. Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có quyền phát triển các tài năng của mình
4. Mọi người có quyền được sống, quyền mưu cầu hạnh phúc và phát triển tài năng của mình.

**Câu 3: Tại Khoản 1, Điều 4, Luật bảo vệ môi trường 2020 quy định:**

1. Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.
2. Bảo vệ môi trường là nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, các nhân và hộ gia đình.
3. Bảo vệ môi trường là nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình.
4. Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn dân, các cơ quan chức năng là lực lượng nòng cốt

**Câu 4: Chủ thể cá nhân của tội phạm về môi trường được hiểu là:**

1. Bất kỳ hành vi nào xâm phạm đến các yêu tố môi trường
2. Bất kỳ thế lực nào tác động đến các thành phần của môi trường
3. Bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt đô tuổi theo quy định của bộ luật hình sự
4. Bất kỳ âm mưu hoạt động nào tác động đến các yếu tố môi trường

**Câu 5: Một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế mà chưa quan tâm đúng mức đến bảo vệ môi trường được xác định là một trong những:**

1. Nguyên nhân, điều kiện khách quan.
2. Nguyên nhân, điều kiện chủ quan
3. Nguyên nhân, điều kiện khách thể
4. Nguyên nhân, điều kiện chủ thể

**Câu 6: Môi trường cung cấp tài nguyên thiên nhiên cần thiết cho cuộc sống và các hoạt động kinh tế của con người được xác định là**:

1. Khái niệm môi trường
2. Nội dung môi trường
3. Vai trò của môi trường
4. Biện pháp bảo vệ môi trường

**Câu 7: Theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020, khái niệm “ứng phó với biến đổi khí hậu” được xác định**:

1. Là các hoạt động của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.
2. Là các hoạt động của con người nhằm hạn chế tác đọng xấu đến môi trường.
3. Là các hoạt động của con người nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu
4. Là hoạt động của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

**Câu 8: “Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân” được quy định tại:**

a. Khoản 1, Điều 6, Luật bảo vệ môi trường 2020

b. Khoản 1, Điều 5, Luật bảo vệ môi trường 2020

**c.** Khoản 1, Điều 4, Luật bảo vệ môi trường 2020

d. Khoản 1, Điều 3, Luật bảo vệ môi trường 2020

**Câu 9: Xử lí hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo về môi trường là:**

a. Truy tố; phạt giam; tịch thu tang vật; phương tiện; và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính khác

b. Truy cứu trách nhiệm hình sự; phạt tiền; và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính khác

c.Phạt tiền; cảnh cáo; tịch thu tang vật; phương tiện vi phạm và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính khác

d. Phạt giam; tịch thu tang vật; phạt tiền; và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính khác

**Câu 10: Xác định và làm rõ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bào vệ môi trường. Được xác định là một trong những:**

a. Nội dung phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

b.Biện pháp phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

c. Đặc điểm phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

d. Khái niệm phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

**Câu 11: Tiến hành các hoạt động điều tra, xử lí vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.Được xác định là một trong những:**

a. Khái niệm phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

b. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

c.Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

d. Phương hướng phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

**Câu 12: Pháp luật xây dựng hệ thống các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ môi trường. Được xác định là một trong những:**

a. Vai trò của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường

b. Nội dung của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường

c. Đặc điểm của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường

d. Tính chất của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường

**Câu 13: Môi trường là nơi chứa đựng các nguồn nguyên liệu cần thiết cho đời sống và sản xuất của con người .Được xác định là một trong những:**

a. Vai trò của môi trường đối với con người

b. Nội dung ảnh hưởng của môi trường đối với con người

c. Đặc điểm tác động của môi trường đối với con người

d. Tính chất của môi trường đối với con người

**Câu 14: Một trong những đặc điểm phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:**

a. Chủ thể tiến hành tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường rất đa dạng

b. Chủ thể tiến hành tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không đa dạng

c. Chủ thể tiến hành tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường do lực lượng chuyên trách đảm nhiệm

d. Phương tiện tiến hành tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường rất đa dạng

**Câu 15: Một trong những trách nhiệm của sinh viên đối với phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường là:**

1. Nắm vững các vi định của pháp luật phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

b. Xây dựng đội tình nguyện môi trường, thành lập các câu lạc bộ về môi trường và tiến hành thu gom, xử lí chất thải theo quy định

c. Tổ chức học tập, nghiên cứu và tuyên truyền giáo dục cho sinh viên phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

d. Nghiên cứu, rà soát, sửa đối, bổ sung các văn bản pháp luật trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

**Câu 16: Các hành vi chôn, lấp, đổ, thải, xả thải trái pháp luật các chất thải ra môi trường (đất, nước không khí …) được xác định là:**

a. Nhóm các hành vi gây hủy hoại môi trường

b. Nhóm các hành vi gây ô nhiễm môi trường

c. Nhóm các hành vi gây cạn kiệt môi trường

d. Nhóm các hành vi hủy hoại tài nguyên môi trường

**Câu 17: Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng chóng thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ bãi sông; tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản; tội hủy hoại rừng; tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm, được xác định là:**

1. Nhóm các hành vi hủy hoại tài nguyên, môi trường
2. Nhóm các hành vi gây ô nhiễm môi trường

c. Nhóm các hành vi gây suy thoái môi trường

d. Nhóm các hành vi vi phạm về phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên

**Câu 18: Xây dựng đội tình nguyện về môi trường, thành lập các câu lạc độ vì môi trường và tiến hành thu gom, xử lý chất thải theo quy định, được xác định là một trong những trách nhiệm của:**

a. Nhà trường

b. Sinh viên

c. Giảng viên

d. Công nhân viên

**AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG**

**Câu 1: “An ninh phi truyền thống bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau liên quan đến an ninh quốc gia và khó đối phó hay giải quyết đơn phương bằng biện pháp quân sự. Được xác định là:**

a. Một trong những khái niệm an ninh phi truyền thống.

b. Một trong những đặc điểm an ninh phi truyền thống

c. Một trong những nội dung an ninh phi truyền thống.

d. Một trong những giải pháp an ninh phi truyền thông.

**Câu 2: Một trong những đặc điểm của an ninh phi truyền thống là:**

a. Các vấn đề an ninh phim truyền thông đều mang tính xuyên quốc gia thậm chí là xuyên khu vực.

b. Nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống là hậu quả trực tiếp của các vấn đề an ninh truyền thống.

c. An ninh phi truyền thống có thể tác động sâu sắc đến quốc phòng của đất nước.

d. An ninh phi truyền thống có thể tác động sâu sắc đến kinh tế xã hội của đất nước.

**Câu 3: Một trong những mối quan hệ an ninh phi truyền thống với an ninh truyền thống là:**

a. Các vấn đề an ninh phi truyền thống ảnh hưởng và hủy hoại an ninh quốc gia dần dần và lâu dài hơn so với các vấn đề an ninh truyền thông.

b. An ninh phi truyền thông làm suy giảm sức mạnh quốc phòng của đất nước.

c. Một số vấn đề an ninh phi truyền thống cũng có thể gây ra mâu thuẫn và xung đột trong an ninh truyền thống.

d. An ninh phi truyền thông gây mất ổn định của quốc gia.

**Câu 4: *“Một số vấn đề an ninh truyền thống có thể phát triển thành các vấn đề an ninh phi truyền thống”.* Được xác định là một trong những**

a. Khái niệm an ninh phi truyền thống. b. Mối quan hệ an ninh phim truyền thông

c. Nội dung an ninh phi truyền thông. d. Tác động an ninh phi truyền thống.

**Câu 5: Điền vào chỗ trống: Các vấn đề an ninh phi truyền thống ảnh hưởng và hủy hoại an ninh quốc gia dần dần và ....**

a. Chậm hơn so với các vấn đề an ninh truyền thống.

b. Tiêu cực hơn so với các vấn đề an ninh truyền thống.

c. Rộng hơn so với các vấn đề an ninh truyền thông,

d. Lâu dài hơn so với các vấn đề an ninh truyền thông

**Câu 6: Sự an toàn của trạng thái hệ thống môi trường lành mạnh, đáp ứng điều kiện sống, sản xuất của con người, đảm bảo sự phát triển của quốc gia. Được xác định là:**

**a**. Khái niệm an ninh môi trường. c. Nội dung an ninh môi trường,

b. Đặc điểm an ninh môi trường. d. Tác động an ninh môi trường,

**Câu 7: *“Tăng cường tiềm lực quốc gia, xây dựng nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc, tập trung giải quyết các mâu thuẫn, xung đột xã hội”*. Được xác định là một trong những:**

a. Khái niệm an ninh phi truyền thông.

b. Giải pháp phòng chống an ninh phi truyền thông

c. Nội dung phòng chống an ninh phi truyền thông.

d. Tác động an ninh phi truyền thống.

**Câu 8: Một trong những giải pháp phòng chống an ninh phi truyền thống là:**

a. Tăng cường công tác giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

b. Tăng cường tiềm lực quốc gia, xây dựng nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc, tập trung giải quyết các mâu thuẫn, xung đột xã hội.

c. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động bất ngờ.

d. Bồi dưỡng kỹ năng nhận diện các âm mưu, thủ đoạn tấn công mạng và các hình thái phát sinh trên không gian mạng.

**Câu 9: Một trong những đặc điểm của an ninh phi truyền thống là:**

a. Một số vấn đề an ninh phi truyền thống cũng có thể gây ra mâu thuẫn và xung đột trong an ninh truyền thống.

b. Các vấn đề an ninh phi truyền thông ảnh hưởng và hủy hoại an ninh quốc gia dần dần và lâu dài hơn so với các vấn đề an ninh truyền thống.

c. Một số vấn đề an ninh truyền thống có thể phát triển thành các vấn đề an ninh phi truyền thống.

d. An ninh phi truyền thông tác động sâu sắc đến kinh tế - xã hội của đất nước.

**Câu 10: Tác động của an ninh phi truyền thống đối với chính trị - xã hội là:**

a. Gây ra sự bất ổn xã hội, phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc.

b. Làm kìm hãm, thậm chí phá hoại sự phát triển của nền kinh tế, gây khó khăn trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng và mở rộng hợp tác quốc tế về kinh tế.

c. Làm hạn chế hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước và chính quyền các cấp.

d. Làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước và chính quyền các cấp.

**Câu 11: Tác động của an ninh phi truyền thống đối với kinh tế nước ta là:**

a. Làm hạn chế hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước và chính quyền các cấp về lĩnh vực kinh tế.

b. Làm cho nền kinh tế nước ta suy thoái, kém phát triển, gây ra những hệ lụy nguy hiểm, khó lường.

c. Làm cho nên công nghiệp nước ta suy thoái, kém phát triển, gây ra những hệ lụy nguy hiểm, khó lường.

d. Làm cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong lĩnh vực kinh tế kém phát triển, gây ra những hệ lụy nguy hiểm, khó lường.

**Câu 12: Tác động của an ninh phi truyền thống đối với quốc phòng và an ninh nước ta là:**

a. Làm hạn chế hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước và chính quyền các cấp đối với lực lượng vũ trang.

b. Làm cho nền kinh tế nước ta suy thoái, kém phát triển, gây ra những hệ lụy nguy hiểm, khó lường đến quốc phòng và an ninh.

c. Làm cho nền công nghiệp quốc phòng nước ta suy thoái, kém phát triển, gây ra những hệ lụy nguy hiểm, khó lường.

d. Làm suy giảm sức mạnh quốc phòng của đất nước, gây mất ổn định của quốc gia, tác động hình thành nguy cơ xung đột và chiến tranh.

**Câu 13: An ninh phi truyền thống theo quan niệm của Liên hiệp quốc gồm:**

a. Kinh tế, lương thực, sức khỏe, môi trường, con người, xã hội, chính trị và văn hóa.

b. Kinh tế, lương thực, dịch bệnh, môi trường, con người, dân tộc, khủng bố và chính trị.

c. Kinh tế, ma túy, sức khỏe, môi trường con người, chiến tranh. Cộng đồng và chính trị

d. Kinh tế, lương thực, dịch bệnh, môi trường, con người, tệ nạn, tội phạm và chính trị.

**Câu 14: Điền vào chỗ trống: An ninh phi truyền thống bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau liên quan đến an ninh quốc gia và .....**

a. Dễ đối phó hay giải quyết đơn phương bằng biện pháp quân sự.

b. Khó đối phó hay giải quyết đơn phương bằng biện pháp quân sự.

c. Không đối phó hay giải quyết đơn phương bằng biện pháp phi quân sự.

d. Phải đối phó hay giải quyết đơn phương bằng biện pháp quân sự.

**Câu 15: An ninh phi truyền thông bao gồm những nội dung nào?**

a. Dịch bệnh; tài chính tiền tệ; năng lượng, đói nghèo; thông tin, nguồn nước; dân tộc, tôn giáo; chủ nghĩa khủng bố.

b. Nước biển dâng tài chính tiền tệ, năng lượng môi trường, thông tin, nguồn nước, dân tộc, tôn giáo; tranh chấp biển đảo.

c. Biến đổi khí hậu, tài chính tiền tệ, năng lượng, môi trường, thông tin, nguồn nước, dân tộc, tôn giáo chủ nghĩa khủng bố.

d. Hiệu ứng nhà kính; tài chính tiền tệ; năng lượng môi trường, thông tin; bản sắc văn hóa; dân tộc, tôn giáo; biên giới lãnh thổ.

Câu 16: Khái niệm chủ nghĩa khủng bố quốc tế:

a. Là chủ thể hành vi phi quốc gia bao gồm các tổ chức khủng bố và các phần tử khủng bố.

b. Là hoạt động xâm phạm độc lập chủ quyền biên giới lãnh thổ quốc gia.

c. Là hệ tư tưởng tiêu cực, lấy phương thức bạo lực là phương thức chính trong đòi hỏi các yêu sách, thỏa mãn các yêu cầu.

d. Là hoạt động xâm phạm đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

**Câu 17: Một trong những đặc trưng của chủ nghĩa khủng bố quốc tế là:**

a. Tính dân tộc. b. Tính cách mạng.

c. Tính lãnh đạo. d. Tính chủ thể phi quốc gia.

**Câu 18: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Được xác định là một trong những:**

a. Giải pháp phòng chống an ninh phi truyền thống. b. Nội dung phòng chống an ninh phi truyền thông. c. Quan điểm phòng chống an ninh phỉ truyền thông.

d. Phương châm phòng chống an ninh phi truyền thông,

**Câu 19: Khủng hoảng ngân hàng, khủng hoảng tiền tệ, khủng hoảng nợ, khủng hoảng tài chính. Được xác định là:**

a. Nội dung an ninh tài chính - tiền tệ. b. Mối đe dọa an ninh tài chính - tiền tệ.

c. Đặc trưng an ninh tài chính - tiền tệ. d. Khái niệm an ninh tài chính - tiền tệ.

**Câu 20: Bản chất của an ninh phi truyền thống là:**

1. Quân sự là chủ yếu.b. Phi quân sự, xuyên quốc gia.
2. Chạy đua vũ trang. d. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

**Câu 21: Đối tượng bị đe dọa xâm phạm của an ninh phi truyền thống là:**

1. Chủ quyền biển đảo, biên giới lãnh thổ.

b. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia, dân tộc.

**c. Sự tồn tại, phát triển bền vững của con người, xã hội, môi trường sống**

d. Độc lập chủ quyền thống nhất |toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

**Câu 22: Một trong những đặc điểm của an ninh phi truyền thông là:**

**a. Các vấn đề an ninh phi truyền thông đều mang tính xuyên quốc gia thậm chí là xuyên khu vực.**

b. Làm cho nền kinh tế nước ta suy thoái, kém phát triển, gây ra những hệ lụy nguy hiểm khó lòng.

c. Các vấn đề an ninh phi truyền thống ảnh hưởng và hủy hoại an ninh quốc gia nhanh hơn so với các vấn đề an ninh truyền thống.

d. Làm cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong lĩnh vực kinh tế kém phát triển, gây ra những hệ lụy nguy hiểm, khó lường.

**Câu 23: Một trong những nội dung của an ninh phi truyền thông là:**

a. Quốc phòng và an ninh.

**b. An ninh năng lượng.**

c. An ninh biên giới.

d. Chủ quyền biển đảo.

**Câu 24: Một trong các giải pháp để phòng ngừa ứng phó an ninh phi truyền thống là:**

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia.
2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp kinh tế quốc phòng cho các đối tượng.
3. Tăng cường tiềm lực quốc gia, xây dựng quốc phòng và an ninh vững chắc, tập trung giải quyết các mâu thuẫn, xung đột xã hội.
4. **Tăng cường tiềm lực quốc gia, xây dựng nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc, tập trung giải quyết các mâu thuẫn, xung đột xã hội.**

**Câu 25: Đại dịch Covid 19 là vấn đề an ninh phi truyền thống ở quy mô nào?**

a. Khu vực. b. Châu lục

**c. Toàn cầu.** d. Quốc gia.

**Câu 26: Giải quyết các nội dung an ninh phi truyền thống là nhiệm vụ của:**

a. Các nước phát triển.  **b. Toàn thế giới.**

c. Các nước đang phát triển. d. Các nước kém phát triển.

**Câu 27: An ninh phi truyền thống có tác động, đe dọa như thế nào đến con người, cộng đồng và quốc gia?**

a. Trực tiếp b. Gián tiếp. **c. Trực tiếp và gián tiếp.** d. Không ảnh hưởng.

### **DÂN TỘC - TÔN GIÁO**

**Câu 1: Cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử tạo lập một quốc gia trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ quốc gia, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống văn hóa, đặc điểm tâm lý ý thức dân tộc và tên gọi của dân tộc. Được xác định là:**

**a. Khái niệm dân tộc.**  b. Đặc điểm dân tộc.

c. Nguồn gốc dân tộc. d. Tính chất dân tộc.

***Câu 2: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, không phân biệt lớn, nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên mọi lĩnh vực”.* Là quan điểm của ai?**

**a. VI Lênin.** b. C. Mác. c. Ph. Ăngghen. d. Hồ Chí Minh.

**Câu 3: Một trong những đặc trưng của các dân tộc Việt Nam là:**

**a. Có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất.**

b. Có quy mô dân số và trình độ phát triển cao.

c. Có trình độ văn hóa phát triển kém bền vững.

d. Các dân tộc có dân số và trình độ phát triển đồng đều.

**Câu 4: Một trong những đặc trưng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là:**

a. Cư trú tập trung ở nông thôn.

**b. Cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, chủ yếu là miền núi và biên giới.**

c. Cư trú tập trung trên địa bàn hẹp.

d. Cư trú chủ yếu ở đồng bằng và trung du.

**Câu 5: Một trong những đặc trưng của các dân tộc ở Việt Nam là:**

**a. Có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều.**

b. Có quy mô dân số và trình độ phát triển bền vững.

c. Có quy mô dân số và trình độ phát triển ngang bằng nhau.

d. Có quy mô dân số và trình độ phát triển vượt bậc.

**Câu 6: Xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của dân tộc Việt Nam là một trong những nội dung về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc của:**

a. VI Lênin. b. C. Mác. c. Ph. Ăngghen. **d. Hồ Chí Minh.**

**Câu 7: Một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường ảo tưởng, phù hợp với tâm lý, hành vi của con người. Được xác định là:**

**a. Khái niệm tôn giáo theo chủ nghĩa Mác - Lênin.**

b. Nguồn gốc tôn giáo theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

c. Tính chất tôn giáo theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

d. Đặc điểm tôn giáo theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

**Câu 8: Nguồn gốc của tôn giáo bao gồm:**

**a. Kinh tế xã hội; nhận thức, tâm lý.**

b. Kinh tế xã hội; văn hóa; quân sự.

c. Kinh tế xã hội; lịch sử, tâm lý.

d. Nhận thức, tâm lý, lịch sử.

**Câu 9: Tính chất của tôn giáo gồm:**

**a. Tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.**

b. Tính khoa học, tính lịch sử, tính chính trị.

c. Tỉnh dân tộc; tính lịch sử, tính chính trị.

d. Tỉnh lịch sử, tính chính trị; tính cách mạng.

**Câu 10: *“Phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng. Phê phán và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan”*. Được xác định trong văn kiện:**

a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X.

b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI.

c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII.

**d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII.**

**Câu 11: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, một trong những chức năng của tôn giáo là:**

a. Mối liên hệ giữa thần thánh và con người.

**b. Đến bù hư ảo.**

c. Sự sáng tạo trong nỗi cô đơn của con người.

d. Mối liên hệ giữa linh hồn và thể xác.

**Câu 12: Tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Được xác định là một trong những**

**a. Giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch.**

b. Nội dung đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch.

c. Mục tiêu đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch.

d. Phương châm đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch.

**Câu 13: “Quyền dân tộc tự quyết hoàn toàn chỉ có nghĩa là các dân tộc có quyền độc lập chính trị, có quyền tự do phân lập, về mặt chính trị, khỏi dân tộc áp bức | họ”. Là quan điểm của:**

**a. VI Lênin.** b. C. Mác. c. Ph. Ăngghen. d. Hồ Chí Minh.

**Câu 14: Mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hóa riêng, góp phần làm nên sự đa dạng, phong phú, thống nhất của văn hóa Việt Nam. Được xác định là một trong những:**

**a. Đặc trưng các dân tộc Việt Nam.**

b. Khái niệm các dân tộc Việt Nam.

c. Chính sách các dân tộc Việt Nam.

d. Tính chất các dân tộc Việt Nam.

**Câu 15: Giải quyết vấn đề dân tộc: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết và liên hiệp công nhận tất cả các dân tộc. Là quan điểm của:**

**a. VI Lênin.** b. C. Mác. c. Ph. Ăngghen. d. Hồ Chí Minh.

**Câu 16: Giải quyết tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới-xã hội xã hội chủ nghĩa. Được xác định là:**

a. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Quan điểm duy tâm.

**c. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin.**

d. Tư tưởng Hồ Chí Minh.

**Câu 17: Việt Nam hiện nay có mấy tôn giáo lớn? Tôn giáo nào là nội sinh?**

a. Có 6: Phật giáo và Hòa Hảo.

**b. Có 6: Cao Đài và Hòa Hảo.**

c. Có 6: Phật giáo và Hồi giáo.

d. Có 6: Công giáo và Cao Đài.

**Câu 18: “Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức là trái tim của thế giới không có trái tim, là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”. Ai đã nói?**

a. Ph. Ăngghen. b. VI Lênin. **c. C. Mác.** d. Hồ Chí Minh.

**Câu 19: Công tác vận động quần chúng và kiên quyết đấu tranh chống các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Được xác định là:**

**a. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo**

b. Đặc điểm của công tác tôn giáo

c. Tính chất của công tác tôn giáo

d. Phương hướng của công tác tôn giáo.

**Câu 20: Theo quan điểm của Đảng: Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo. Được xác định là:**

**a. Công tác vận động quần chúng**

b. Công tác tổ chức

c. Công tác tư tưởng

d. Công tác xây dựng nếp sống văn hóa mới

**Câu 21: *“Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật”*. Được xác định tại:**

**a. Khoản 1, Điều 24, Hiến pháp 2013**

b. Khoản 1, Điều 25, Hiến pháp 2013

c. Khoản 1, Điều 26, Hiến pháp 2013

d. Khoản 1, Điều 27, Hiến pháp 2013

**Câu 22: Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Được xác định là một trong những nội dung của:**

**a. Nghị quyết số 25-NQ/TW về vấn đề tôn giáo**

b. Nghị quyết số 24-NQ/TW về vấn đề tôn giáo.

c. Nghị quyết số 04-NQ/TW về vấn đề tôn giáo.

d. Nghị quyết số 05-NQ/TW về vấn đề tôn giáo.

**Câu 23: *“Tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt đúng quy định của pháp luật; chủ động giúp đỡ, giải quyết các nhu cầu hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh của quần chúng, đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tôn giáo”.* Được xác định trong văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc:**

**a. Lần thứ XIII.** b. Lần thứ XII. c. Lần thứ XI. d. Lần thứ X.

**Câu 24: *“Tình hình tôn giáo ổn định; đa số chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, góp phấn đấu tranh, phản bác luận điệu xuyên tạc, vu cáo chính quyền vi phạm nhân quyền, tự do tôn giáo”*. Được xác định là những:**

**a. Thành tựu về vấn đề tôn giáo.**

b. Hạn chế về vấn đề tôn giáo.

c. Nguyên nhân về vấn đề tôn giáo.

d. Phương hướng về vấn đề tôn giáo.

**Câu 25: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước”. Được xác định trong văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc:**

**a. Lần thứ XIII**. b. Lần thứ XII. c. Lần thứ XI. d. Lần thứ X.

**Câu 26: *“Phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng. Phê phán và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan”*. Được xác định rõ trong văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc:**

**a. Lần thứ XIII**. b. Lần thứ XII. c. Lần thứ XI. d. Lần thứ X

**Học phần 1 gồm 10 bài**  
  
1.quan điểm chủ nghĩa Mác  
2.xây dựng nền quốc phòng toàn dân  
3.chiến tranh nhân dân  
4.xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân  
5.Kinh tế với quốc phòng   
6.Nghệ thuật quân sự Việt Nam   
7.Biên giới lãnh thổ   
8.Dân quân tự vệ

9.Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc

10.An ninh quốc gia  
 1.**QUAN ĐIỂM CN MLNTTHCM...**

**Câu 01. Chọn câu sai. Nội dung học thuyết bảo vệ Tổ quốc XHCN của Lênin?**

a. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là một tất yếu khách quan

b. Bảo vệ Tô quốc XHCN là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân

c. Đảng Cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN.

**d. Là nhiệm vụ riêng của lực lượng vũ trang.**

**Câu 02: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, sự ra đời của quân đội là:**

a. Tính quy luạt trong đầu tranh giai cấp, đầu tranh đân tộc ở Việt Nam.

**b. Một tất yếu, là tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đâu tranh dân tộc ở Việt Nam.**

c. Đúng quy luật trong đầu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

d. Yêu câu trong đầu tranh giành và giữ chính quyền ở Việt Nam.

**Câu 03: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh:**

a. Chiến tranh có từ khi xuất hiện loài người.

b. Chiến tranh là hiện tượng chính trị ~ xã hội.

**c. Chiến tranh là hiện tượng chính trị - xã hội có tính lịch sử.**

d. Chiến tranh là hiện tượng tranh chấp của giai cấp thống trị

**Câu 04: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin: Chiến tranh kiểm tra sức sống của:**

a. Đường lối quân sự và nghệ thuật quân sự.

**b. Toàn bộ chê đọ chính trị - xã hội.**

c. Nền kinh tế xã hội.

d. Phương án a,c đúng.

**Câu 05: Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định Quân đội nhân dân Việt Nam có:**

a. 3 nhiệm vụ, 2 chức năng.

b. 3 nhiệm vụ, 3 chức năng.

c. 2 nhiệm vụ, 2 chức năng.

**d. 2 nhiệm vụ, 3 chức năng.**

**Câu 06: Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN?**

a. Bảo vệ Tô quốc Việt nam XHCN là tất yếu khách quan.

b. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và CNXH là nghĩa vụ trách nhiệm của mọi công dân.

c. Xây dựng đất nước độc lập, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh

**d. Phương án a, b đúng. (Bảo vệ tổ quốc là tất yếu & nghĩa vụ trách nhiệm của mọi công dân)**

**Câu 07: Một trong những quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN là:**

**a. Bảo vệ TỔ quốc xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan.**

b. Bảo vệ Tổ quốc là một tất yêu khách quan.

c. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ tất yếu của quân đội.

d. Bảo vệ Tổ quốc là một qui luật khách quan.

**Câu 08: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải thường xuyên tăng cường:**

**a. Tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế xã hội.**

b. Tiềm lực quân sự gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

c. Sức mạnh quân sự gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

d. Tiêm lực an ninh gắn với phát triển kinh tế xã hội.

**Câu 09: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, sử đựng bạo lực cách mạng để:**

a. Giải phóng dân tộc.

**b. Giành chính quyên và bảo vệ chính quyển.**

c. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

d. Phương án a và c đúng.

**Câu 10: Khi nói về bản chất của chủ nghĩa đề quốc, Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh:**

a. Con rắn độc.

b. Con bạch tuộc.

c. Con rồng tre.

**d. Con đỉa hai vòi.**

**Câu 11: “Giành chính quyền đã khó, nhưng giữ được chính quyền còn khó khăn hơn”. Ai khẳng định?**

a. C. Mác,

**b. V.L Lênin,**

c. Ph. Ăng ghen.

d. Chủ tịch Hỗ Chí Minh.

**Câu 12: “...Ai có súng thì đùng súng, ai có gươm thì dùng gươm, không có súng, gươm thì dùng cuốc thuống, gậy, gộc...”. Được chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi trong thời kì nào?**

a. Chống Mĩ.

**b. Chống Pháp.**

c. Chống phát xít Nhật

d. Phương án a ,b đúng.

**Câu 13: Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định yếu tố con người có vai trò như thế nào trong xây dựng Quân đội nhân dân?**

**a. Con người giữ vai trò quan trọng nhất, chỉ phối các yếu tố khác.**

b. Con người là quan trọng cùng với yếu tố quan sự là quyết định.

c. Con người có trí thức giữ vai trò quyết định.

d. Con người với trình độ chính trị cao giữ vai trò quyết định.

**Câu 14: Trong thời đại ngày nay còn chủ nghĩa để quốc thì còn nguy cơ xây ra chiến tranh, chiến tranh là bạn đường cửa chủ nghĩa để quốc. Ai khẳng định?**

a. C.Mác.

b. PhĂngghn.

**c. V.L Lênin.**

d. C. Ph. Claudovit.

**Câu 15: Tìm câu trả lời đúng nhất. Lênin khẳng định: “Trong mọi cuộc chiến tranh rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào”:**

**a. Tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường quyết định.**

b. Khả năng cơ động của quần chúng trên chiến trường quyết định.

c. Con người và vu khí trên chiến trường quyết định.

d. Con người với trình độ săn sàng chiến đầu cao giữ vai trò quyết định.

**Câu 16: Theo quan điểm của C.Mác - Ph.Ăngghen: con người, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự, Được xác định là:**

a, Bản chất giai cắp của quân đội.

**b. Sức mạnh chiến đấu của quân đội.**

c. Nguyên tắc xây dựng quan đội.

d. Nguồn gốc ra đời của quân đội.

**Câu 17: “Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng. Muốn đánh chúng phải có lực lượng quân sự, phải có tố chức”. Ai khẳng định?**

**a. Chủ Tịch Hồ Chí Minh.**

b. Chủ tịch Tôn Đức Thắn

c. Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

d. Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

**Câu 18: Khi bàn về chiến tranh, Claudovit đã quan niệm: Chiến tranh là một hành vỉ bạo lực. Nhưng lại không lý giải được:**

**a. Bản chất của chiến tranh.**

b, Quy luật của chiến tranh.

c. Tính chất của chiến tranh

d. Đặc điểm của chiến tranh.

**Câu 19. Chọn câu sai. Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của V.l Lênin?**

a. Đoàn kết thống nhật quân đội với nhân dân. b. Xây dựng quân đội chính quy,

c. Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

**d. Xây dựng quân đội làm công cụ bạo lực sắc bén.**

**Câu 20: Muốn xóa bỏ chiến tranh phải xóa bỏ:**

a. Mâu thuẫn chính trị xã hội.

b. Lực lượng quân đội.

**c. Nguồn gốc kinh tế, xã hội.**

d. Nguồn gốc kinh tế, chính trị..

**Câu 21: Xác định tính chất xã hội của chiến tranh, phân tích tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh xâm lược thuộc địa, chiến tranh ăn cướp của chủ nghĩa để quốc, chỉ ra tính chất chính nghĩa của chiến tranh giải phóng dân tộc. Được xác định là:**

a. Quan điểm C.Mác - Ph.Ăngghen về chiến tranh.

**d. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.**

c. Quan điểm của V.L.Lênin về chiến tranh

d. Quan điểm của C.Mác — V.I.Lênin về chiến tranh.

**Câu 22: Không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức; phát triển hài hòa các quân binh chủng, Được xác định là một trong những:**

**a. Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của V.I.Lênin.**

b. Nội đung xây dựng quân đội kiêu mới của V.I.Lênin.

c. Quan điểm xây dựng quân đội kiểu mới của V.I.Lênin.

d. Biện pháp xây dựng quân đội kiểu mới của V.I.Lênin.

**Câu 23: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Quân đội ta có mấy chức năng?**

**a. Có 3, đội quân chiến đấu, công tác và sản Xut.**

b, Có 3, đội quân sẵn sàng chiến đấu, công tác, sản xuất.

c. Có 3, đội quân phục vụ chiến đấu, công tác và sản xuất.

d. Có 3, đội quân chiến đấu, cơ động và công tác.

**Câu 24: phự thuộc vào:**

a. Tiềm lực kinh tế. của đất nước bảo đám cho quân đội

**b. Bản chất giai cấp của nhà nước đã tổ chức ra nó.**

c. Sự ủng hộ của quần chúng nhân dân đối với quân đội.

d. Phương án a, c đúng.

**Câu 25: Theo quan điểm của chủ nghĩa C.Mác-V.I Lênin nguồn gốc nãy sinh chiến tranh?**

a. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và sự tổn tại của nhà nước.

**b. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự tôn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp.**

c. Bán năng sinh vật của con người

d. Do định mệnh của loài người

### **2.XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN**

**Câu 1: *“Sức mạnh quốc phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường”*. Được xác định là:**

**a. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân.**

b. Khái niệm an ninh nhân dân.

c. Khái niệm Lực lượng vũ trang nhân dân.

d. Khái niệm bảo vệ Tổ quốc.

**Câu 2: Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng. Được xác định là một trong những**

a. Vị trí nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

**b. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.**

c. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

d. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

**Câu 3: Điền vào chỗ (...) cho hoàn chỉnh khái niệm về quốc phòng: Quốc phòng là công cuộc giữ nước bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó ..., lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.**

a. Sức mạnh kinh tế là đặc trưng.

b. Sức mạnh khoa học công nghệ là đặc trưng.

**c. Sức mạnh quân sự là đặc trưng.**

d. Sức mạnh chính trị là đặc trưng.

**Câu 4: Nền quốc phòng, an ninh vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành. Được xác định là một trong những:**

**a. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.**

b. Vị trí nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

c. Nội dung nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

d. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

**Câu 5: Xây dựng lực lượng quốc phòng và an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Được xác định là một trong những:**

a. Nội dung xây dựng nền quốc phòng và an ninh.

b. Vị trí xây dựng nền quốc phòng và an ninh.

c. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng và an ninh.

**d. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng và an ninh.**

**Câu 6: Điền vào chỗ (...) cho hoàn chỉnh khái niệm về quốc phòng: Quốc phòng là công cuộc giữ nước bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng ...**

a. Sức mạnh kinh tế là đặc trưng.

b. Sức mạnh khoa học công nghệ là đặc trưng.

c. Sức mạnh chính trị là đặc trưng.

**d. Lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.**

**Câu 7: Nội dung cơ bản xây dựng nền quốc phòng toàn dân theo Điểm b, Khoản 2, Điều 7, Luật quốc phòng 2018 là:**

**a. Xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, có sức chiến đấu cao, làm nòng cốt bảo vệ Tổ quốc.**

b. Xây dựng kế hoạch, tổ chức chuẩn bị và thực hiện phòng thủ quân khu;

c. Xây dựng cơ quan, đơn vị của quân khu văng mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao, Dân quân tự vệ trên địa bàn quân khu vững mạnh và rộng khắp:

d. Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan, đơn vị của quân khu.

**Câu 8: Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường. Được quy định tại:**

**a. Khoản 1, Điều 7, Luật quốc phòng 2018.**

b. Khoản 1, Điều 8, Luật quốc phòng 2018.

c. Khoản 1, Điều 9, Luật quốc phòng 2018.

d. Khoản 1, Điều 10, Luật quốc phòng 2018.

**Câu 9: Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại. Được xác định là một trong những:**

**a. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.**

b. Vị trí nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

c. Nội dung nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

b. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

**Câu 10: Điền vào chỗ (...) cho hoàn chỉnh khái niệm về tiềm lực chính trị, tinh thần: Tiềm lực chính trị, tinh thần là khả năng về chính trị, tinh | thân có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ ...**

**a. Quốc phòng và an ninh.**

b. Khoa học công nghệ.

c. Phát triển kinh tế.

d. Phát triển văn hóa xã hội.

**Câu 11: Trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân cần tập trung vào những tiềm lực chủ yếu nào sau đây?**

a. Tiềm lực chính trị, tinh thần, tiềm lực kinh tế, tiềm lực văn hóa, xã hội.

b. Tiềm lực con người: tiềm lực rừng, biên; tiềm lực quân sự, an ninh.

**c. Tiềm lực chính trị, tinh thần, tiềm lực kinh tế, tiềm lực quân sự, an ninh, tiềm lực khoa học công nghệ.**

d. Tiềm lực kinh tế, tiềm lực quân sự, an ninh, tiềm lực giáo dục và đào tạo, tiềm lực ngoại giao.

**Câu 12: Tiềm lực nào sau đây là cơ sở vật chất cho các tiềm lực khác trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

a. Tiềm lực chính trị, tinh thần.

**b. Tiềm lực kinh tế.**

c. Tiềm lực quân sự, an ninh.

d. Tiềm lực khoa học, công nghệ.

**Câu 13: Thực chất của việc xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần là:**

a. Xây dựng nhân tố con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b. Xây dựng lực lượng tiến hành công tác tư tưởng.

**c. Xây dựng thế trận lòng dân.**

d. Xây dựng hệ thống chính trị trong thời chiến.

**Câu 14: Tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Được xác định là:**

a. Nhân tố không cần thiết tạo nên sức mạnh của quốc phòng và an ninh.

b. Nhân tố không quyết định tạo nên sức mạnh của quốc phòng và an ninh.

**c. Nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng và an ninh.**

d. Nhân tố không cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng và an ninh.

**Câu 15: Thế trận quốc phòng và an ninh là sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng và an ninh để bảo vệ Tổ quốc. Được xác định là:**

**a. Khái niệm về thế trận quốc phòng và an ninh.**

b. Khái niệm về tiềm lực chính trị, tinh thần.

c. Khái niệm về tiềm lực kinh tế.

d. Khái niệm về nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

**Câu 16: *“Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc”*. Đảng ta khẳng định trong:**

a. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

b. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX.

c. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X.

**d. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI.**

**Câu 17: *“Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên, người học trong các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”*. Được quy định tại:**

**a. Điểm a, Khoản 2, Điều 10, Luật Quốc phòng năm 2018.**

b. Điểm a, Khoản 2, Điều 9, Luật Quốc phòng năm 2018.

c. Điểm a, Khoản 2, Điều 11, Luật Quốc phòng năm 2018.

d. Điểm a, Khoản 2, Điều 8, Luật Quốc phòng năm 2018.

**Câu 18: Cơ chế lãnh đạo, chỉ huy nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Do tổ chức nào lãnh đạo, quản lý?**

**a. Đảng lãnh đạo, nhà nước thống nhất quản lý.**

b. Quân đội chỉ huy, quản lý.

c. Nhân dân tự nguyện tham gia.

d. Bộ quốc phòng lãnh đạo, chỉ huy.

**Câu 19: *“Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với quân đội nhân dân, công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh”*. Đảng ta khẳng định trong:**

**a. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII.**

b. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII.

c. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI.

d. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X.

Câu 20: “Không quân đội nào, không khí giới nào có thể đánh ngã được tinh thần hy sinh của toàn thể một dân tộc”. Ai khẳng định:

a. C. Mác. b. Ph. Ăngghen. c. VI. Lênin. **d. Hồ Chí Minh.**

**Câu 21: Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân. Được xác định là một trong những:**

**a. Đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.**

b. Vị trí của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

c. Khái niệm của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

d. Mục đích của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

**Câu 24: Khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh. Được xác định là:**

**a. Khái niệm về tiềm lực quân sự, an ninh.**

b. Khái niệm về tiềm lực kinh tế.

c. Khái niệm về tiềm lực khoa học, công nghệ.

d. Khái niệm về tiềm lực chính trị, tinh thần.

**Câu 25: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Được xác định là một trong những:**

**a. Biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.**

b. Nhiệm vụ chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.

c. Mục đích chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.

d. Vị trí xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.

**Câu 26: Nâng cao ý thức trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Được xác định là một trong những:**

**a. Biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.**

b. Nhiệm vụ chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.

c. Mục đích chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.

d. Vị trí xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.

**3.CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VNXHCH**

**Câu 01: Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân là:**

a. Chủ nghĩa khủng bố quốc tế và các thế lực phản động

b, Chủ nghĩa để quốc.

**c. Chủ nghĩa để quốc và các thế lực phán động**.

d. Tất cả các phương án trên đụng.

**Câu 02: Đánh nhanh, thắng nhanh khi tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta. Được hiểu là:**

**a. Âm mưu, thủ đoạn của địch.**

b. Cánh đánh của địch.

c. Phương thức tác chiến của địch.

d. Phương châm tác chiên của địch.

**Câu 03: Địa hình thời tiết nước ta phức tạp khó khăn cho địch khi sử dụng lực lượng, phương tiện. Được xác định là:**

a. Đặc điểm của chiến tranh,

b, Khái niệm của chiến tranh,

c. Tính chất của chiến tranh.

**d. Điểm yếu của kẻ thù.**

**Câu 04: Tiến hành chiến tranh toàn điện, kết hợp chặt chế giữa đấu tranh Quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh. Được xác định là:**

a. Mục đích của chiến tranh nhân dân.

b. Biện pháp của chiến tranh nhân dân.

**c. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân.**

d. Nội dung của chiến tranh nhân dân.

**Câu 05: Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh lâu đài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh... Được xác định là:**

**a. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân.**

b. Nội dung của chiến tranh nhân dân.

c. Tĩnh chất của chiến tranh nhân dan,

d. Mục đích của chiến tranh nhân dân.

**Câu 06: Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh. Được xác định là:**

a. Nội dung của chiến tranh nhân dân.

**b. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân đân.**

c. Tính chất của chiến tranh nhân dân.

d. Mục đích của chiến tranh nhân dân.

**Câu 07: Điền vào chỗ trống: Tiến hành chiến tranh nhân dân báo vệ Tổ quốc phải phối hợp chặt chẽ giữa chống quân địch tiến công từ bên ngoài với ... từ bên trong,**

a. Đầu tranh chính trị.

b. Tuyên truyền giáo dục,

c. Các phương án tác chiến.

**d. Bạo loạn lật đổ.**

**Câu 08: Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là:**

a. Bố trí lực lượng, vũ khí trang bị để tiến hành chiến tranh.

**b. Bồ trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt đọng tác chiến.**

c. Bố trí lực lượng để tiền hành chiến tranh.

d. Bồ trí lực lượng để hoạt động tác chiến.

**Câu 09: Yếu tố quyết định đến thắng lợi của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là:**

a. Sự quản lí, điều hành của nhà nước.

b. Ý chí, quyết tâm của nhân dân Việt Nam.

**c. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.**

d. Sự giúp đỡ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên the giới.

**Câu 10: Một trong những biện pháp khi tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc theo quan điểm của Đảng là:**

a. Tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh cho lực lượng vu trang nhân dân.

**b. Tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh cho mọi tầng lớp nhân dân nhất là thế hệ trẻ.**

c. Tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh, sinh viên,

d. Tăng cường giáo dục quốc phòng an ninh cho thể hệ trẻ.

**Câu 11: Điền vào chỗ trống. Tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy … là yếu tổ quyết định.**

a. Thắng lợi trên nghị trường.

**b. Thắng lợi trên chiến trường.**

c. Thắng lợi trên mặt trận kinh tế.

d. Phương án a, b, c đúng.

**Câu 12: Khí tiến hành chiến tranh nhân dân cần kết hợp tác chiến của:**

a, Quân đội nhân dân với công an nhân dân.

b. Bộ đội chủ lực với bộ đội địa phương.

**c. Lực lượng vũ trang địa phương với các binh đoàn chủ lực.**

d. Bộ đội chủ lực với bộ đội biên phòng.

**Câu 13: Mục đích của chiến tranh nhân dân là:**

a. Làm thất bại chiến lược, “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch

**b. Sử dụng tiềm lực của đất nước, nhất là tiềm lực quốc phong, an ninh nhằm đánh bại ý đồ xâm lược của kẻ thù.**

c. Làm thất bại âm mưu, thủ đoạn bạo loạn lật đỗ của các thế lực thù địch.

d. Phương án a, b, c đúng

**Câu 14: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn điện. Trong đó lực lượng nào làm nòng cốt?**

a. Lực lượng quân đội và công an.

b. Lực lượng quân đội.

**e. Lực lượng vũ trang ba thứ quân,**

d. Lực › lượng vũ trang địa phương.

**Câu 15: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là cuộc chiến tranh hiện đại về vũ khí, trang bị, tri thức và nghệ thuật quân sự. Được hiểu là:**

a, Điểm mạnh của chiến tranh.

b. Đặc điểm của chiến tranh.

**c. Tính chất của chiến tranh.**

d. Quan điểm của chiến tranh.

**Câu 16: Quan điểm của Đáng về chiến tranh nhân đân: phải kết hợp chặt chẽ giữa các mặt trận kinh trị, văn hóa tự tưởng, ngoại giao nhằm tạo điều kiện cho:**

a. Đâu tranh nghị trường giành. thắng lợi.

b. Đầu tranh binh vận giành thắng lợi.

c. Đầu tranh địch vận giành thắng lợi.

**d, Đầu tranh quận sự giành thắng lợi.**

**Câu 17: “Trong chiến tranh mạnh được yếu thua, sĩ quan quân đội Mỹ được đào tạo đầy đủ bài bản hơn sĩ quan quân đội Việt Nam. Nhưng trong thể trận, không phải học nhiều hay vũ khí nhiều hiện đại mà giành thắng lợi, mà trong thể trận ai xử trí nhanh hơn người đó sẽ giành chiến thắng”, Câu nói trên là của ai?**

**a. Đại tướng Phạm Văn Trà.**

b. Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

c. Thượng tướng Hoàng Minh Thảo.

d. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh

**Câu 18: Chọn câu trả lời sai. Tính chất xã hội của các cuộc chiến tranh?**

a. Chính nghĩa và phi nghĩa

**b. Thế giới và cục bộ.**

c. Cách mạng và phản cách mạng

d. Tiến bộ và phản động

**Câu 19: Cuộc chiến tranh nào dưới đây được xác định là chiến tranh giải phóng dân tộc Việt Nam?**

a. Kháng chiến chống Pháp.

b. Kháng chiến chống Mĩ.

c. Chiến tranh biên giới .

**d. Phương án a và b đúng. (Pháp & Mỹ)**

**Câu 20: “Cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến tranh xâm lược, ngược lại cuộc chiến tranh của ta chống thực dân pháp là cuộc chiến tranh bảo vệ độc lập chủ quyền và thông nhất đất nước” Ai khẳng định?**

a .Chủ tịch Tôn Đức Thăng

**b. Chủ tịch Hồ Chí Minh**

c. Thủ tướng Phạm Văn Đồng

d. Tổng bí thư Lê Duẩn

**Câu 21: “Mỹ đánh Việt Nam mà không hiểu Việt Nam, không hiểu lịch sử, địa lý, văn hóa, phong tục, con người dân tộc nói chung cũng như những người lãnh đạo Việt Nam nói riêng. Chúng tôi có một nền văn hóa bền vững, một học thuyết quân sự độc đáo, mưu trí sáng tạo được thử thách trong lịch sử… ”, Ai khẳng định?**

**a. Đại tướng Võ Nguyên Giáp.**

b. Chủ tịch Hồ Chí Minh.

c. Đại tướng Văn Tiên Dũng,

d. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh.

**Câu 22: Bản chất của chiến tranh?**

**a. Là sự kế tục của chính trị bằng thủ đoạn bạo lực,**

b. Là thủ đoạn của kinh tế, chính trị xã hội

c. Là qui luật của xã hội loài người

d. Là bản chất của xã họi loài người

**Câu 23: Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Được xác định là:**

a. Mục đích.

**b. Quan điểm**.

c. Tính chất.

d. Biện pháp.

**Câu 24: Vì sao phải tiến hành chiến tranh nhân dân?**

a. Xuất phát từ đường lối quân sự của Đảng.

b. Xuất phát từ tính chất, đặc điểm của cuộc chiến tranh.

c. Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân là sự kế thừa, phát huy nghệ thuật quân sự truyền thống của dân tộc.

**d. Phương án a, b đúng. (đường lối của Đảng & đặc điểm chiến tranh)**

**Câu 25: Lực lượng nòng cốt của chiến tranh nhân dân?**

**a. Lực lượng vũ trang nhân dân**

b. Bộ đội chủ lực

c. Hải quân, cảnh sát biển

d. Bộ đội địa phương

**Câu 26: Tiêu chí để phân biệt tính chất chiến tranh chính nghia và phi nghĩa?**

**a. Mục đích của cuộc chiến tranh**

b, Chủng loại vũ khí dùng trong chiến tranh

c. Hoàn cảnh tiến hành chiến tranh.

d. Phương án a, b đúng.   
 **4.CÂU HỎI BÀI XÂY DỰNG LLVTND**

**Câu 1: Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam do tổ chức nào lãnh đạo?**

a. Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Quốc hội.

c. Chính phủ.

d. Mặt trận Tổ quốc.

**Câu 2: Chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Được xác định là một trong những:**

a. Nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

b. Đặc điểm của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

c. Nội dung của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

d. Tính chất của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

**Câu 3**: **Xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, công an, làm cho lực lượng này tuyệt đối trung thành với Đảng với Tổ quốc với nhân dân. Được xác định là một trong những:**

a. Nội dung xây dung quân đội, công an cách mạng.

b. Nội dung xây dung quân đội, công an chính quy.

c. Nội dung xây dung quân đội, công an tinh nhuệ.

d. Nội dung xây dung quân đội, công an hiện đại.

**Câu 4: Nhà nước xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có lực lượng thường trực hợp lý, lực lượng dự bị động viên hùng hậu; một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Được quy định tại:**

a. Khoản 3, Điều 26, Luật quốc phòng 2018.

b. Khoản 3, Điều 24, Luật quốc phòng 2018.

c. Khoản 3, Điều 25, Luật quốc phòng 2018.

d. Khoản 3, Điều 27, Luật quốc phòng 2018.

**Câu 5: Xây dựng Quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng quân đội, công an tinh, gọn, mạnh. Đến năm 2030 xây dựng một số quân chủng, binh chủng, lực lượng hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Được xác định trong:**

a. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X.

b. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI.

c. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII.

d. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

**Câu 6:** **Nhà nước xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; ưu tiên hiện đại hóa một số lực lượng.**

a. Khoản 3, Điều 26, Luật quốc phòng 2018.

b. Khoản 3, Điều 24, Luật quốc phòng 2018.

c. Khoản 3, Điều 25, Luật quốc phòng 2018.

d. Khoản 3, Điều 27, Luật quốc phòng 2018.

**Câu 7: Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân** **dân Việt Nam theo nguyên tắc?**

a. Tuyệt đối, toàn diện.

b. Tuyệt đối và trực tiếp.

c. Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt.

d. Trực tiếp về mọi mặt.

**Câu 8: Đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân sản xuất. Được xác định là:**

a. Biện pháp xây dựng quân đội f.

b. Nhiệm vụ của quân đội theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

c. Chức năng của quân đội theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

d. Nguyên tắc xây dựng của quân đội theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

**Câu 9: Một trong những quan điểm, nguyên tắc của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là:**

a. Lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.

b. Lấy số lượng là chính, lấy xây dựng kinh tế làm cơ sở.

c. Lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng quân sự làm cơ sở.

d. Lấy số lượng là chính, lấy xây dựng quân sự làm cơ sở.

**Câu 10: Phương hướng cơ bản xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân đến năm 2025:**

a. Nhanh, hiện đại, chính xác.

b. Có số lượng động, sức cơ động nhanh.

c. Bảo đảm số lượng đông.

d. Tinh, gọn, mạnh.

**Câu 11:** **Cả nước đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, trong khi chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá ta quyết liệt. Được xác định là một trong những:**

a. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

b. Nội dung liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

c. Biện pháp liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

d. Tính chất liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

**Câu 12: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp. Được xác định là một trong những:**

a. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

b. Nội dung liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

c. Biện pháp liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

d. Tính chất liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

**Câu 13: Thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam** **gồm:**

a. Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Dân quân tự vệ.

b. Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Hội cựu Chiến binh.

c. Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Đoàn thanh niên.

d. Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Thanh niên xung kích.

**Câu 14: “Quân đội nhân dân có chức năng, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; thực hiện công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lao động sản xuất, kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội, tham gia phòng thủ dân sự, cùng toàn dân xây dựng đất nước; thực hiện nghĩa vụ quốc tế”. Được quy định tại:**

a. Khoản 2, Điều 23, Luật quốc phòng năm 2018.

b. Khoản 2, Điều 25, Luật quốc phòng năm 2018.

c. Khoản 2, Điều 24, Luật quốc phòng năm 2018.

d. Khoản 2, Điều 26, Luật quốc phòng năm 2018.

**Câu 15: Quân đội nhân dân Việt Nam gồm có mấy Quân khu, Quân đoàn?**

a. 05 Quân khu, 02 Quân đoàn.

b. 06 Quân khu, 03 Quân đoàn.

c. 07 Quân khu, 04 Quân đoàn.

d. 08 Quân khu, 05 Quân đoàn.

**Câu 16: Tổ chức các đơn vị phải gọn, mạnh, cơ động phù hợp với tình hình cụ thể ở từng địa phương, khu** **vực và thế trận cả nước. Được xác định là một trong những:**

a. Biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

b. Nội dung xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

c. Đặc điểm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

d. Tính chất xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

**Câu 17: Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay có mấy Quân chủng, Binh chủng?**

a. 05 Quân chủng, 02 Binh chủng.

b. 02 Quân chủng, 05 Binh chủng.

c. 03 Quân chủng, 06 Binh chủng.

d. 06 Quân chủng, 03 Binh chủng.

**Câu 18: Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Được xác định là một trong những:**

a. Biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

b. Nội dung, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

c. Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

d. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

**Câu 19: Tự lực, tư cường, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Được xác định là một trong những:**

a. Biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

b. Nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

c. Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

d. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

**Câu 20: Bảo đảm lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Được xác định là một trong những:**

a. Biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

b. Nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

c. Quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

d. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

**Câu 21: Một trong những quan điểm, nguyên tắc cơ bản trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam hiện nay?**

a. Lấy khoa học là chính, lấy xây dựng về kinh tế làm cơ sở.

b. Lấy vũ khí trang bị là chính, lấy xây dựng về văn hóa làm cơ sở.

c. Lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở.

d. Lấy số lượng là chính, lấy xây dựng về khoa học làm cơ sở.

**Câu 22: Đứng trước diễn biến của tình hình chính trị, xã hội của đất nước, khu vực và thế giới, có khả năng phân tích và kết luận chính xác đúng, sai từ đó có thái độ đúng đắn với sự việc đó. Được xác định là nội dung:**

a. Tinh nhuệ về kĩ thuật của lực lượng vũ trang nhân dân.

b. Tinh nhuệ về chính trị của lực lượng vũ trang nhân dân.

c. Tinh nhuệ về chiến thuật của lực lượng vũ trang nhân dân.

d. Tinh nhuệ về quân sự của lực lượng vũ trang nhân dân.

**Câu 23: “C*hính trị trọng hơn quân sự*” được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong chỉ thị?**

a. Thành lập lực lượng dân quân, tự vệ.

b. Thành lập lực lượng vũ trang địa phương.

c. Thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

d. Thành lập lực lượng vũ trang ba thứ quân.

**Câu 24: Xây dựng quân đội về chính trị trong đó vấn đề nào là cốt lõi nhất?**

a. Bản chất giai cấp công nhân.

b. Tính quốc tế.

c. Tính dân tộc.

d. Tính tôn giáo.

**Câu 25: Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập ban đầu với bao nhiêu chiến sỹ, ai làm đội trưởng?**

a. 34 chiến sỹ, Võ Nguyên Giáp

b. 34 chiến sỹ, Hoàng Sâm.

c. 34 chiến sỹ, Xích Thắng.

d. 34 chiến sỹ, Hoàng Văn Thái.

**Câu 26: Ngày 22 tháng 12 hằng năm là ngày truyền thống của lực lượng:**

a. Quân đội nhân dân.

b. Công an nhân dân.

c. Dân quân tự vệ.

d. Dự bị động viên.

**Câu 27: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì:**

**a. Có Đảng xây dựng, Đảng lãnh đạo và giáo dục.**

b. Được trải nghiệm và trưởng thành trong chiến đấu.

c. Có nhà nước xây dựng quản lí điều hành.

d. Được kế thừa truyền thống dựng và giữ nước của dân tộc.  
  
  
**5.CÂU HỎI BÀI KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI**

**TĂNG CƯỜNG CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG AN NINH**

**Câu 1: Điền vào (…) để hoàn chỉnh nội dung: Trong mối quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng thì yếu tố … suy đến cùng quyết định đến quốc phòng và an ninh.**

**a. Kinh tế.**

b. Văn hóa.

c. Khoa học.

d. Ngoại giao.

**Câu 2: Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh được xác định là qui luật của:**

a. Chế độ xã hội chủ nghĩa.

b. Mọi quốc gia có chủ quyền.

c. Mọi quốc gia dân tộc có độc lập chủ quyền.

d. Chế độ tư bản chủ nghĩa.

**Câu 3: Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trên từng vùng lãnh thổ, trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo, khu kinh tế, khu công nghiệp trọng điểm. Được xác định trong:**

a. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X.

b. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI.

c. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII.

d. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

**Câu 4: Điền vào (…) để hoàn chỉnh nội dung: Để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, chúng ta phải kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong một …**

a. Chủ trương thống nhất.

b. Qui hoạch thống nhất.

c. Kế hoạch thống nhất.

d. Chỉnh thể thống nhất.

**Câu 5:** **Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, để thực hiện tốt sự kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh. Đảng ta đã đề ra một trong những chủ trương là:**

a. Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.

b. Vừa đánh, vừa đàm.

c. Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người.

d. Tất cả cho tiền tuyến.

**Câu 6: Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong thời kì mới.****Được xác định là một trong những:**

a. Cơ sở lí luận.

b. Nội dung.

c. Giải pháp.

d. Cơ sở thực tiễn.

**Câu 7: Kinh tế và quốc phòng có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau, trong đó lĩnh vực nào sau đây giữ vai trò quyết định?**

a. Kinh tế.

b. Chính trị.

c. Văn hóa.

d. Quốc phòng.

**Câu 8: Một trong những giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng và an ninh là:**

a. Kết hợp trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

b. Kết hợp trong các ngành lĩnh vực chủ yếu.

c. Kết hợp trong giao thông vận tải, bưu điên, y tế, khoa học, giáo dục và xây dựng cơ bản.

d. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng và anninh trong thời kỳ mới.

**Câu 9: Trong xây dựng các công trình quốc phòng, quân sự, phòng thủ dân sự, thiết bị chiến trường phải bảo đảm tính:**

a. Cạnh tranh.

b. Thị trường.

c. Lưỡng dụng.

d. Thẩm mỹ.

**Câu 10: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện** **kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh. Được xác định là một trong những:**

a. Cơ sở lí luận.

b. Nội dung.

c. Giải pháp.

d. Cơ sở thực tiễn.

**Câu 11:** **Nơi có mật độ dân cư và tính chất đô thị hóa cao, gắn liền với các khu công nghiệp lớn, đặc khu kinh tế, các liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài ... Được xác định là một trong những:**

a. Đặc điểm về khoa học công nghệ của vùng kinh tế biển đảo.

b. Đặc điểm về an ninh của vùng kinh tế biên giới.

c. Đặc điểm về quốc phòng của vùng kinh tế vùng núi.

d. Đặc điểm về kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm.

**Câu 12: Là địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc ít người, mật độ dân sống thấp, kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí thấp, đời sống dân cư còn nhiều khó khăn. Được xác định là một trong những:**

a. Đặc điểm của đồng bằng sông Cửu Long.

b. Đặc điểm của các vùng miền.

c. Đặc điểm của các dân tộc thiểu số.

d. Đặc điểm của vùng núi, biên giới.

**Câu 13: Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh cho các đối tượng. Được xác định là một trong những:**

a. Cơ sở lí luận.

b. Nội dung.

c. Giải pháp.

d. Cơ sở thực tiễn.

**Câu 14: Điền vào (…) để hoàn chỉnh nội dung: Gắn phát triển nông nghiệp với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xây dựng nông thôn mới bảo đảm an ninh lương thực và an ninh nông thôn, góp phần tạo thế trận phòng thủ, ...**

a. “thế trận biển, đảo” vững chắc.

b. “thế trận lòng dân” vững chắc.

c. “thế trận an ninh nhân dân” vững chắc.

d. “thế trận quốc phòng” vững chắc.

**Câu 15: Khi xây dựng bất cứ công trình nào, ở đâu, quy mô nào cũng phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và có thể chuyển hóa phục vụ được cho cả quốc phòng, an ninh, cho phòng thủ tác chiến và phòng thủ dân sự. Được xác định là một trong những nội dung:**

a. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong giao thông vận tải.

b. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong xây dựng cơ bản.

c. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong công nghiệp.

d. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong bưu chính viễn thông.

**Câu 16:** **Trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn quy mô trung bình, bố trí phân tán, trải dài trên diện rộng, không nên xây dựng thành những siêu đô thị lớn. Để làm gì?**

a. Để thuận lợi cho quản lý, giữ gìn an ninh chính trị trong thời bình và hạn chế hậu quả tiến công hỏa lực của địch khi có chiến tranh.

b. Để thuận lợi cho quản lý, giữ gìn an ninh, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

c. Để thuận lợi cho quản lý, giữ gìn an ninh, khai thác tiềm năng của từng địa phương.

d. Để thuận lợi cho quản lý, giữ gìn an ninh, điều chỉnh mật độ dân cư.

**Câu 17: “Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố tăng cường quốc phòng, an ninh trên từng vùng lãnh thổ, trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo, khu kinh tế, khu công nghiệp trọng điểm”.** **Đảng ta xác định trong:**

a. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X.

b. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI.

c. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII.

d. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

**Câu 18: Thực chất kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh nhằm:**

a. Đẩy mạnh, thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

b. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nước ngoài đầu tư kinh tế.

c. Xây dựng vùng kinh tế biên giới, biển, đảo của đất nước.

d. Thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Câu 19: Đâu là một trong những nội dung của kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh?**

a. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

b. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh trong thời kỳ mới.

c. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh.

d. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh cho các đối tượng.

**Câu 20: Đâu là một trong những nội dung của kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh?**

a. Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ.

b. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh cho các đối tượng.

c. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh.

d. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh trong thời kỳ mới.

**Câu 21: Lợi ích kinh tế, suy đến cùng là nguyên nhân làm nảy sinh các mâu thuẫn và xung đột xã hội. Để giải quyết mâu thuẫn đó, phải có hoạt động quốc phòng và an ninh. Được xác định là một trong những nội dung:**

a. Cơ sở lý luận của sự kết hợp.

b. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp.

c. Đặc điểm của sự kết hợp.

d. Giải pháp của sự kết hợp.

**Câu 22: Thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng, ông cha ta luôn chăm lo mở mang đường sá, đào sông ngòi, kênh rạch, xây đắp đê điều để vừa phát triển kinh tế, vừa tạo lập thế trận đánh giặc trong chiến tranh. Được xác định là một trong những:**

a. Cơ sở lý luận của sự kết hợp.

b. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp.

c. Nội dung chính của sự kết hợp.

d. Biện pháp chính của sự kết hợp.

**Câu 23: Thực hiện tốt nguyên tắc bình bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hòa bình. Được xác định là một trong những nội dung:**

a. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong hoạt động đối ngoại.

b. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

c. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu.

d. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

**Câu 24: “Thời bình, phải khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc. Đó là thượng sách giữ nước”. Đây là câu nói của ai?**

a. Trần Thủ Độ.

b. Trần Quốc Tuấn.

c. Trần Nhân Tông.

d. Trần Anh Tông.

**Câu 25: Kế sách “ngụ binh ư nông”. Được thực hiện đầu tiên ở nước ta vào triều đại nào?**

a. Nhà Đinh.

b. Nhà Tiền Lê.

c. Nhà Lý.

d. Nhà Hậu Lê.

**Câu 26: Quyết định đến việc cung cấp số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho quốc phòng và an ninh; quyết định đến tổ chức, biên chế của lực lượng vũ trang; quyết định đến đường lối chiến lược quốc phòng. Yếu tố nào sau đây quyết định:**

a. Kinh tế.

b. Văn hóa.

c. Vai trò của Nhà nước

d. Bộ quốc phòng.

**Câu 27: Kết hợp trong công nghiệp; trong nông, lâm, ngư nghiệp; trong giao thông vận tải; trong bưu chính viễn thông … được xác định là một trong những nội dung:**

a. Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành các lĩnh vực chủ yếu.

b. Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong vùng kinh tế trọng điểm.

c. Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong các vùng lãnh thổ.

d. Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại.

**Câu 28: Củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyến trách quốc phòng và an ninh các cấp. Được xác định là một trong những:**

a. Cơ sở lí luận của sự kết hợp kinh tế với quốc phòng.

b. Nội dung của sự kết hợp kinh tế với quốc phòng.

c. Giải pháp của sự kết hợp kinh tế với quốc phòng.

d. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp kinh tế với quốc phòng.

**Câu 29: Hoạt động quốc phòng, an ninh tiêu tốn đáng kể một phần nguồn nhân lực, vật lực, tài chính của xã hội. Là câu nói của ai?**

a. V.I.Lênin

b. Các Mác.

c. Ăng Ghen.

d. Hồ Chí Minh.

**Câu 30: “Dựng nước đi đôi với giữ nước’’ có ý nghĩa gì đối với nước ta:**

a. Là qui luật tồn tại và phát triển của dân tộc.

b. Là góp phần giữ gìn hòa bình cho khu vực.

c. Là góp phần giữ gìn hòa bình trên thế giới.

d. Là góp phần giữ vững ổn định cho khu vực và trên thế giới.

**6.CÂU HỎI BÀI NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM**

**Câu 1: Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn năm 1418 – 1427 do ai lãnh đạo?**

a. Lê Lợi - Nguyễn Trãi.

b. Nguyễn Trãi - Trần Nguyên Hãn.

c. Quang Trung - Ngô Thì Nhậm.

d. Trần Quốc Tuấn - Trần Quang Khải.

**Câu 2: Thời nhà Trần chống quân Nguyên - Mông lần thứ 2 diễn ra vào thời gian nào?**

a. Năm 1258.

b. Năm 1285.

c. Năm 1287.

d. Năm 1288.

**Câu 3:** **Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ ba do nhà Trần lãnh đạo, quân và dân ta đã đánh thắng:**

a. 03 vạn quân.

b. 50 vạn quân.

c. 60 vạn quân.

d. 29 vạn quân.

**Câu 4: Mặt trận nào sau đây giữ vai trò quyết định đến thắng lợi trong chiến tranh?**

a. Mặt trận ngoại giao.

b. Mặt trận kinh tế.

c. Mặt trận quân sự.

d. Mặt trận chính trị.

**Câu 5: Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm. Ai là người lãnh đạo quân dân ta đã giành thắng lợi đánh quân Nam Hán ở đâu, thời gian nào?**

a. Lý Thường Kiệt. Sông Như Nguyệt. Năm 1077.

b. Ngô Quyền. Sông Bạch Đằng. Năm 938.

c. Lê Lợi – Nguyễn Trãi. Lũng Nhai. Năm 1418

d. Quang Trung. Ngọc Hồi. Năm 1789.

**Câu 6: Tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh thắng lợi; bộ phận hợp thành có tác dụng chủ đạo trong nghệ thuật quân sự.** *Được xác định là.*

a. Khái niệm nghệ thuật chiến dịch.

b. Khái niệm chiến lược quân sự.

c. Khái niệm nghệ thuật chiến thuật.

d. Khái niệm nghệ thuật quân sự.

**Câu 7: Nghệ thuật quân sự Việt Nam có mấy bộ phận hợp thành?**

a. 03; Nghệ thuật chiến dịch, chiến thuật và tác chiến điện tử

b. 02, Chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch

c. 03, Chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật.

d. 02, Nghệ thuật chiến thuật và cách đánh.

**Câu 8: Trong nghệ thuật quân sự Việt Nam, bộ phận nào dưới đây giữ vai trò chủ đạo?**

a. Chiến lược quân sự.

b. Nghệ thuật chiến dịch.

c. Nghệ thuật chiến thuật

d. Phương phương thức tiến hành chiến tranh

**Câu 9: Người phất cờ khởi nghĩa tại núi Nưa - Triệu Sơn - Thanh Hóa, vào năm nào?**

a. Triệu Thị Trinh, năm 248.

b. Trưng Nữ Vương, năm 248.

c. Công chúa Ngọc Hân, năm 1770 - 1799.

d. Bùi Thị Xuân, năm 1802.

**Câu 10: Trước đối tượng tác chiến là quân Nguyên - Mông có sức mạnh hơn ta nhiều lần, một trong những biện pháp bảo toàn lực lượng và tạo thế, thời cơ để phản công của quân đội nhà Trần là:**

a. Rút lui vì giặc quá mạnh.

b. Rút lui vì giặc quá đông.

c. Chủ động rút lui chiến lược.

d. Chủ động tích cực tiến công.

**Câu 11: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, được xác định là loại hình chiến dịch gì?**

a. Tiến công. c. Phản công.

b. Phòng ngự. d. Tập kích.

**Câu 12: Để đánh thắng 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh và 2 vạn quân bán nước Lê Chiêu Thống. Quang Trung đã dùng lối đánh:**

a. Đánh chắc, tiến chắc, bất ngờ

b. Đánh nhanh sục sạo kỹ vừa đánh vừa địch vận.

c. Táo bạo, thần tốc, bất ngờ.

d. Bí mật, tinh khôn, mưu mẹo.

**Câu 13: *“*Đánh cho để dài tóc, đánh cho để đen răng, đánh cho nó trích luân bất phản, đánh cho nó phiến giáp bất hoàn, đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ*”. C****âu nói trên của ai?*

a. Quang Trung.

b. Lê Lợi.

c. Trần Quốc Tuấn.

d. Lý Thường Kiệt.

**Câu 14: Muốn kết thúc chiến tranh phải chọn:**

a. Vào thời điểm chúng ta có đủ thế và lực.

Vào thời điểm chúng ta chưa được quốc tế ủng hộ.

c. Vào thời điểm chúng ta chưa xây dựng được thế trận.

d. Vào thời điểm chúng ta chưa đáp ứng được điều kiện lịch sử.

**Câu 15: Quân Tây Sơn tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm tại đâu? Vào thời gian nào?**

a**.** Rạch Gầm - Xoài Mút, năm 1782 – 1783.

b. Rạch Gầm - Xoài Mút, năm 1783 – 1784.

c. Rạch Gầm - Xoài Mút, năm 1784 – 1785.

d. Rạch Gầm - Xoài Mút, năm 1785 – 1786.

**Câu 16: Để lừa địch, đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở, chỗ ít phòng bị, làm cho chúng bị động, lúng túng đối phó. Được xác định là gì trong nghệ thuật đánh giặc của ông cha?**

a. Mưu. c. Thế.

b. Kế. d. Thời.

**Câu 17: Điều địch theo ý định của ta, giành quyền chủ động, buộc địch phải đánh theo cách đánh của ta. Được xác định là gì trong nghệ thuật đánh giặc của ông cha?**

a. Kế sách.

b. Mưu cầu.

c. Thế trận.

d. Thời cơ.

**Câu 18: Kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với binh vận, ngoại giao, tạo thế mạnh cho ta, biết phá thế mạnh của giặc, trong đó:**

a. Tiến công quân sự giữ vai trò quyết định.

b. Đấu tranh chính trị giữ vai trò quyết định.

c. Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao giữ vai trò quyết định.

d. Mặt trận binh vận giữ vai trò quyết định.

**Câu 19: Một trong những lý do chính mà nước ta thường xuyên bị kẻ thù nhòm ngó, đe dọa, tiến công xâm lược?**

a. Việt Nam có vị trí địa lý chiến lược trọng yếu ở khu vực Đông Nam Á và Châu Á Thái Bình Dương.

b. Việt Nam có nhiều tài nguyên thiên nhiên và khoáng sản với trữ lượng lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á và Châu Á Thái Bình Dương.

c.Việt Nam có địa hình hiểm trở.

d. Việt Nam có đồng bằng sông Cửu Long lớn thứ 2 trên thế giới.

**Câu 20: Lý Thường Kiệt đã sử dụng biện pháp “Tiên phát chế nhân”, nghĩa là:**

a. Chủ động tiến công trước, đẩy kẻ thù vào thế bị động.

b. Thực hiện đánh nhanh và thắng nhanh.

c. Nhanh chóng hoàn thành mục tiêu đặt ra.

d. Chủ động tiến công phá vỡ thế phòng thủ của giặc.

**Câu 21: Một trong những nội dung nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta là?**

a. Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh.

b. Thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh sang đánh chắc, tiến chắc.

c. Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo.

d. Thực hiện đánh chắc, tiến chắc sang đánh nhanh, tiến nhanh.

**Câu 22: Một trong những nội dung nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta là?**

a. Kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, binh vận.

b. Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị.

c. Kết hợp đấu tranh chống địch tiến công từ bên ngoài với đấu tranh chống bạo loạn lật đổ từ bên trong.

d. Kết hợp đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực, trong đó lấy kinh tế làm yếu tố quyết định.

**Câu 23: Một trong những cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng là?**

a. Truyền thống đánh giặc của tổ tiên.

b. Chiến lược quân sự.

c. Nghệ thuật chiến dịch.

d. Nghệ thuật chiến thuật.

**Câu 24: Một trong những nội dung chiến lược quân sự của Đảng ta là:**

a. Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến.

b. Lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh.

c. Thực hiện phương châm đánh nhanh và thắng nhanh.

d. Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị.

**Câu 25: Sau thắng lợi của cách mạng tháng tám năm 1945, ở trên lãnh thổ nước ta cùng một lúc xuất hiện nhiều kẻ thù. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định đối tượng nào là kẻ thù nguy hiểm, trực tiếp của cách mạng Việt Nam?**

a. Thực dân Pháp.

b. Phát xít Nhật Bản.

c. Quân Tưởng Giới Thạch.

d. Quân đội Anh.

**Câu 26: Khi thực dân Pháp thất bại tại Đông Dương, quân Mỹ đã thay thế quân Pháp xâm lược nước ta. Từ thực tiễn đó Đảng ta đã đánh giá về kẻ thù và đưa ra nhận định như thế nào?**

a. Mỹ giàu nhưng không mạnh.

b. Mỹ được cả thế giới ủng hộ.

c. Mỹ giàu và rất mạnh.

d. Mỹ chưa hiểu gì về Việt Nam.

**Câu 27: Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh nhân dân với tinh thần:**

a. Tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

b. Dựa vào sự giúp đỡ về vật chất và sự cổ vũ của các nước.

c. Đánh giá đúng kẻ thù.

d. Xác định đúng kẻ thù và đối tượng tác chiến.

**Câu 28: Để thực hiện tốt phương thức tiến hành chiến tranh, chúng ta kết hợp chặt chẽ:**

a. Tiến công địch bằng 2 lực lượng, 3 mũi giáp công, 3 vùng chiến lược.

b. Tiến công địch bằng 2 lực lượng, 3 mũi giáp công, 4 vùng chiến lược.

c. Tiến công địch bằng 3 lực lượng, 4 mũi giáp công, 5 vùng chiến lược.

d. Tiến công địch bằng 4 lực lượng, 3 mũi giáp công, 2 vùng chiến lược.

**Câu 29: Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta đã thay đổi phương châm tác chiến đó là:**

a. Từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”.

b. Từ “đánh chắc, tiến chắc” sang “đánh nhanh, thắng nhanh”.

c. Từ cách đánh tiến công sang cách đánh phòng ngự.

d. Từ cách đánh du kích sang cách đánh chính qui với qui mô lớn.

**Câu 30: Chiến dịch Việt Bắc năm 1947, chiến dịch Đường 9 Nam Lào thuộc loại hình chiến dịch gì?**

a. Chiến dịch phản công.

b. Chiến dịch phòng không.

c. Chiến dịch phòng ngự.

d. Chiến dịch nghi binh.

**Câu 31: Chiến dịch Điện Biên Phủ, chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Hồ Chí Minh thuộc loại hình chiến dịch nào?**

a. Chiến dịch tiến công.

b. Chiến dịch phòng ngự.

c. Chiến dịch phòng không.

d. Chiến dịch nghi binh.

**Câu 32: Xác định đúng đối tượng tác chiến thuộc nội dung nào của nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo?**

a. Chiến lược quân sự.

b. Nghệ thuật chiến dịch.

c. Nghệ thuật chiến thuật.

d. Nghệ thuật nghi binh.

**Câu 33: Chiến thuật thường được vận dụng trong giai đoạn đầu kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là:**

a. Tập kích, phục kích, vận động tiến công.

b. Phòng ngự, phòng không, nghi binh.

c. Chiến dịch tiến công, chiến dịch phòng ngự.

d. Nghi binh chiến lược, chiến dịch phòng không.

**9.DÂN QUÂN TỰ VỆ**

**Câu 1: Lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất công tác. Được xác định là:**

1. Bộ đội chủ lực
2. **Dân quân tự vệ**
3. Bộ đội địa phương
4. Dự bị ứng viên

**Câu 2: Lực lượng vũ trang quần chúng được tổ chức ở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế. Được xác định là:**

1. Bộ đội địa phương
2. Dân quân
3. **Tự vệ**
4. Bộ đội chủ lực

**Câu 3: Chỉ huy trực tiếp Dân quân tự vệ là:**

1. Công an xã, phường
2. **Cơ quan quân sự địa phương các cấp**
3. Ủy ban nhân dân xã phường
4. Bộ đội chủ lực

**Câu 4: Lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng Dân quân tự vệ là:**

1. **Đảng cộng sản Việt Nam**
2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
3. Quân đội nhân dân Việt Nam
4. Công an nhân dân Việt Nam

**Câu 5: Lực lượng dân quân được tổ chức ở đâu?**

1. Các tổ chức xã hội
2. Các nhà máy xí nghiệp
3. Các tổ chức kinh tế
4. **Thôn, xã, huyện**

**Câu 6: Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan, tổ chức. Được xác định là một trong những:**

1. **Nhiệm vụ của lực lượng Dân quân tự vệ**
2. Vị trí của lực lượng Dân quân tự vệ
3. Vai trò của lực lượng Dân quân tự vệ
4. Chức năng của lực lượng Dân quân tự vệ.

**Câu 7: Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch về Dân quân tự vệ. Được xác định là một trong những:**

1. **Hoạt động sẵn sàng chiến đấu của lực lượng Dân quân tự vệ**
2. Vị trí của lực lượng Dân quân tự vệ
3. Vai trò của lực lượng Dân quân tự vệ
4. Chức năng của lực lượng Dân quân tự vệ

**Câu 8: Phương châm xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ theo hướng:**

1. **Vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính.**
2. Vững mạnh, toàn diện, coi trọng chất lượng quân sự là chính.
3. Vững mạnh, rộng khắp, có trọng tâm, trọng điểm.
4. Vững mạnh, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

**Câu 9: Thành phần Dân quân tự vệ gồm:**

1. **Dân quân tự vệ tại chỗ; Dân quân tự vệ cơ động; Dân quân thường trực; Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế.**
2. Dân quân nòng cốt và dân quân rộng rãi
3. Dân quân tự vệ binh chủng, dân quân tự vệ biển. Cảnh sát biển
4. Dân quân tự vệ bộ binh, dân quân tự vệ cơ động và dân quân tự vệ biển.

**Câu 10: Theo Luật số: 48/2019/QH14, Dân quân tự vệ có mấy thành phần?**

1. 3 thành phần
2. 4 thành phần
3. **5 thành phần**
4. 6 thành phần

**Câu 11: Độ tuổi, thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình được qui định như thế nào?**

1. Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 35 tuổi
2. Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 35 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi
3. **Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi**
4. Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 30 tuổi

**Câu 12: Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân thường trực trong thời bình được quy định như thế nào?**

1. **02 năm**
2. 03 năm
3. 04 năm
4. 05 năm

**Câu 13: Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ cơ động, Dân quân tự vệ biển, Dân quân tự vệ tại chỗ… trong thời bình được qui định như thế nào?**

1. 02 năm
2. 03 năm
3. **04 năm**
4. 05 năm

**Câu 14: Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện. Được xác định là một trong những:**

1. Nội dung xây dựng Dân quân tự vệ
2. Nhiệm vụ xây dựng Dân quân tự vệ
3. Phương châm xây dựng Dân quân tự vệ
4. **Biện pháp xây dựng Dân quân tự vệ**

Câu 15: Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác Dân quân tự vệ. Được xác định là một trong những:

1. Nội dung xây dựng Dân quân tự vệ
2. Nhiệm vụ xây dựng Dân quân tự vệ
3. Phương châm xây dựng Dân quân tự vệ
4. **Biện pháp xây dựng Dân quân tự vệ**

**Câu 16: Dân quân tự vệ có vị trí như thế nào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?**

1. Quan trọng
2. Chủ yếu
3. **Chiến lược**
4. Nòng cốt

**Câu 17: Dân quân tự vệ có vai trò như thế nào cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cở sở khi có chiến tranh?**

1. **Nòng cốt**
2. Quan trọng
3. Chủ yếu
4. Chiến lược

**Câu 18: Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân thường trực thì được xếp vào:**

1. **Lực lượng dự bị hạng 1**
2. Lực lượng dự bị hạng 2
3. Lực lượng dân quân tại chỗ
4. Lực lượng dân quân cơ động

**Câu 19: Lực lượng dự bị động viên được xây dựng để bổ sung cho:**

1. Lực lượng Dân quân tự vệ.
2. Lực lượng Công an nhân dân
3. **Lực lượng thường trực của Quân đội**
4. Lực lượng Thanh niên xung kích

**Câu 20: Một trong những nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên là:**

**A. Xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tự tưởng,** tổ chức, có trình độ chiến đấu cao và được quản lý chặt chẽ.

B. Bảo đảm chất lượng về chính trị tinh thần của Dân quân tự vệ

C. Bảo đảm chất lượng xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm.

D. Bảo đảm phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân.

**Câu 21: Một trong những nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên là:**

1. **Huy động sức mạnh tổ hợp của toàn dân**
2. Bảo đảm chất lượng về chính trị tinh thần của Dân quân tự vệ
3. Bảo đảm chất lượng xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm.
4. Bảo đảm phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân.

**Câu 22: Quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị được đăng ký, quản lý và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân. Được xác định là:**

1. Khái niệm lực lượng Dân quân tự vệ
2. **Khái niệm lực lượng dự bị động viên**
3. Khái niệm quân nhân dự bị
4. Khái niệm phương tiện kỹ thuật dự bị

**Câu 23: Bao gồm sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được đăng ký theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự. Được xác định là:**

1. Khái niệm lực lượng Dân quân tự vệ
2. Khái niệm lực lượng dự bị động viên
3. **Khái niệm quân nhân dự bị**
4. Khái niệm phương tiện kỹ thuật dự bị

**Câu 24: Một trong những nguồn đào tạo sĩ quan dự bị là:**

A. Tất cả công dân Việt Nam

**B. Sinh viên nam đã tốt nghiệp từ các trường đại học**

C. Học sinh từ các trường trung học phổ thông

D. Sinh viên chưa tốt nghiệp từ các trường đại học

**Câu 25: Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm. Được xác định là:**

A. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

**B. Phương châm huấn luyện lực lượng dự bị động viên**

C. Tổ chức xây dựng lực lượng dự bị động viên

D. Nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên.

**Câu 26: Động viên công nghiệp quốc phòng được chuẩn bị từ:**

1. Trong chiến tranh
2. **Trong thời bình**
3. Khi kết thúc chiến tranh
4. Giai đoạn đầu chiến tranh

**Câu 27: Phải bảo đảm bí mật, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đúng kế hoạch, nhanh chóng tăng cường sức mạnh về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với các tình huống chiến tranh. Được xác định là một trong những:**

**A. Yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng**

B. Nội dung của động viên công nghiệp quốc phòng

C. Khái niệm của động viên công nghiệp quốc phòng

D. Nguyên tắc của động viên công nghiệp quốc phòng

**Câu 28: Trên cơ sở năng lực sản xuất, sửa chữa đã có của các doanh nghiệp công nghiệp, Nhà nước chỉ đầu tư thêm những trang thiết bị chuyên dùng để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sữa chữa, trang bị cho Quân đội. Được xác định là một trong những:**

1. Biện pháp động viên công nghiệp
2. Nội dung động viên công nghiệp
3. **Nguyên tắc động viên công nghiệp**
4. Yêu cầu động viên công nghiệp

**Câu 29: Huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp công nghiệp ngoài lực lượng vũ trang để sản xuất, sửa chữa trang bị cho quân đội. Được xác định là:**

1. Khái niệm Quân nhân dự bị.
2. Khai niệm dự bị động viên
3. **Khái niệm động viên công nghiệp**
4. Khái niệm dân quân tự vệ

**Câu 30: Ai là người phát lệnh tổng động viên?**

1. **Chủ tích nước**
2. Chủ tịch quốc hội
3. Tổng bí thư
4. Bộ trưởng bộ quốc phòng

**Câu 31: Động viên công nghiệp quốc phòng không áp dụng đối với doanh nghiệp nào?**

1. Có vốn từ ngân sách nhà nước
2. Các doanh nghiệp Nhà nước
3. **Có vốn đầu tư nước ngoài**
4. Các doanh nghiệp địa phương

**Câu 32. Tại sao phải di chuyển doanh nghiệp?**

Để bảo đảm an toàn và bí mật.

P**HONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC**

**Câu 1. Quan điểm về quần chúng nhân dân là gì?**

Lực lượng đông đảo, là nền tảng cho một nước là gốc rễ của một dân tộc là động lực chính: để thúc đẩy xã hội phát triển.

**Câu 2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – lênin về quần chúng nhân dân là:**

Quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển của xã hội, chính nhân dân lao động là người làm nên lịch sử.

**Câu 3. Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong. Ai đã nói câu nói trên?**

Chủ tịch Hồ Chí Minh

**Câu 4. Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc?**

Phát hiện , quản lý, giáo dục, cải tạo các loại tội phạm để thu hẹp dần đối tượng phạm tội.

**Câu 5. Nhân dân giúp ta nhiều thì thành công nhiều, giúp ta ít thì thành công ít, nếu giúp ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn. Ai đã khẳng định?**

Chủ tịch Hồ Chí Minh

**Câu 6. Một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị , giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân. Đc xác định là:**

Khái niệm “ Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

**Câu 7. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức cơ bản để tập hợp thu hút đông đảo quần chúng, phát huy quyèn làm chủ của mình tham gia bảo vệ an ninh trật tự. Được xác định là một trong những:**

Vị trí, tác dụng

**Câu 8. Ngày toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là ngày:**

19 tháng 8

**Câu 9. Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp của xã hội. Được xác định là một trong những:**

Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

**Câu 10. Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào ở các địa bàn, các lĩnh vực có sự khác nhau. Được xác định là một trong những :**

Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

**Câu 11. Giáo dục, nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân tham gia phòng ngừa đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Được xác định là một trong những:**

Nội dung xây dựng phog trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

**Câu 12. Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia chống tội phạm. Được xác định là một trong những :**

Nội dung xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

**Câu 13. Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền , đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh. Được xác định là một trong những :**

Nội dung xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

**Câu 14. Thực chất của nhân dân điển hình tiên tiến là:**

- Phổ biến kinh nghiệm điển hình, động viên thúc đẩy phong trào lên một bước mới.

* Phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến : Dùng các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hóa nghệ thuật; tổ chức giao lưu gặp gỡ báo cáo để nhân rộng điển hình.

**Câu 15. Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Được xác định là một trong những :**

Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

**Câu 16. Tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh – trật tự. Được xác định là một trong những:**

Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

**Câu 17. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các ngành, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân bảo vệ an ninh trật tự. Được xác định là một trong những:**

Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

**Câu 18. Lồng ghép nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường và địa phương. Được xác định là một trong những :**

Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

**Câu 19. Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm. Được xác định là một trong những :**

Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

**Câu 20. Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh. Được xác định là một trong những:**

Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

**Câu 21. Tự giác chấp hành các qui định về bảo đảm an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú; chấp hành tốt các qui định của địa phương; tích cực tham gia các phong trài giữ gìn an ninh trật tự của địa phương luôn nên cao ý thức cảnh giác tích tham gia hoạt động phòng chống tội.... Được xác định là một trong những:**

Trách nhiệm của sinh viên trong phong trài toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

**NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI**

**Câu 1. Sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền , thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Được hiểu là:**

Khái niệm an ninh quốc gia.

**Câu 2. Luật an ninh quốc gia của Việt Nam có hiệu lực thi hành vào năm nào?**

Năm 2005

**Câu 3. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia**

Khái niệm bảo vệ an ninh quốc gia.

**Câu 4. An ninh quốc gia phải gắn bó chặt chẽ với lực lượng nào?**

Quốc phòng

**Câu 5. Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hóa, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Được xác định là một trong những:**

Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

**Câu 6. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, đảm bảo lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân. Được xác định là một trong những:**

Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia.

**Câu 7. Chủ động phòng ngừa, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia. Được xác định là một trong những:**

Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia.

**Câu 8. Một trong những biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia:**

Vận động quần chúng

**Câu 9. Trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các qui phạm pháp luật, qui tắc và chuẩn mực đạo đức được pháp lý xác định. Được hiểu là:**

Khái niệm về trật tự, an toàn xã hội.

**Câu 10. Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia:**

Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

* Bảo vệ an ninh kinh tế
* Bảo vệ an ninh văn hóa – tư tưởng
* Bảo vệ an ninh dân tộc
* Bảo vệ an ninh tôn giáo
* Bảo vệ an ninh biên giới
* Bảo vệ an ninh thông tin

**Câu 11. Nội dung nào trong bảo vệ an ninh quốc gia, được xác định là quan trọng nhất?**

Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

**Câu 12. Thế nào là đối tác?**

Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác bình đẳng hai bên cùng có lợi.

**Câu 13. Thế nào là đối tượng?**

Có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta, chống phá sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc ở nước ta.

**Câu 14. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia?**

Gián điệp, phản động.

( \* GIÁN ĐIỆP:

* **Gián điệp ẩn nấp:** là hoạt động nguy hiểm nhất, coi là nội gián.
* **Gián điệp lâm thời:** trà trộn tỏng các đoàn nước ngoài lâm thời vào Việt Nam.
* **Gián điệp thường trú:** trà trộn trong các cơ quan nước ngoài thường trú tại Việt Nam.
* **Gián điệp vũ trang:** Các nhóm biệt kích, thám báo. )

**Câu 15. Người Việt hay người nước ngoài, hoạt động cá nhân hay có tổ chức, chịu sự chỉ huy của nước ngoài để tiến hành các hoạt động điều tra thu thập tình báo, gây cơ sở bí mật và phá hoại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Được xác định là đối tượng nào?**

Gián điệp.

**Câu 16. Những cá nhân hay tổ chức có âm mưu và hoạt động phản cách mạng chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng không chịu sự chỉ huy của nước ngoài. Được xác định là đối tượng nào?**

Phản Động

**Câu 17. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Được hiểu là:**

Một trong những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

**Câu 18. Một trong những quan điẻm của Đảng và Nhà nước ta trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là:**

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

**Câu 19. Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là sự nghiệp của ai?**

Toàn dân

**Câu 20. Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia ở khu vực biên giới trên đất liền và trên biển là:**

Bộ đội biên phòng và Cảnh sát Biển.

**Câu 21. Lực lượng nào giữ vai trò nòng cốt trong bảo vệ trật tự, an toàn xã hội?**

Công an Nhân dân

**Câu 22. Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 110 Bộ Luật hình sự số 12/2017/QH14 quy định đối với người có hành vi : Hoạt động tình báo, phá hoại hoặc gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thì bị:**

Phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

**Câu 23. Điểm b, Khoản 1, Điều 240, Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: Người nào thực hiện hành vi đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mần bệnh nguy hiểm có khả năng lây truyền cho người. Thì bị :**

Phạt tiền từ 50 triệu đến 200 triệu đồng hoặc phạt tù từ 1 năm đến 5 năm.

5ti